



THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

SỐ RA HÀNG THÁNG
(Tháng 12/2024)



LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 12/2024)

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

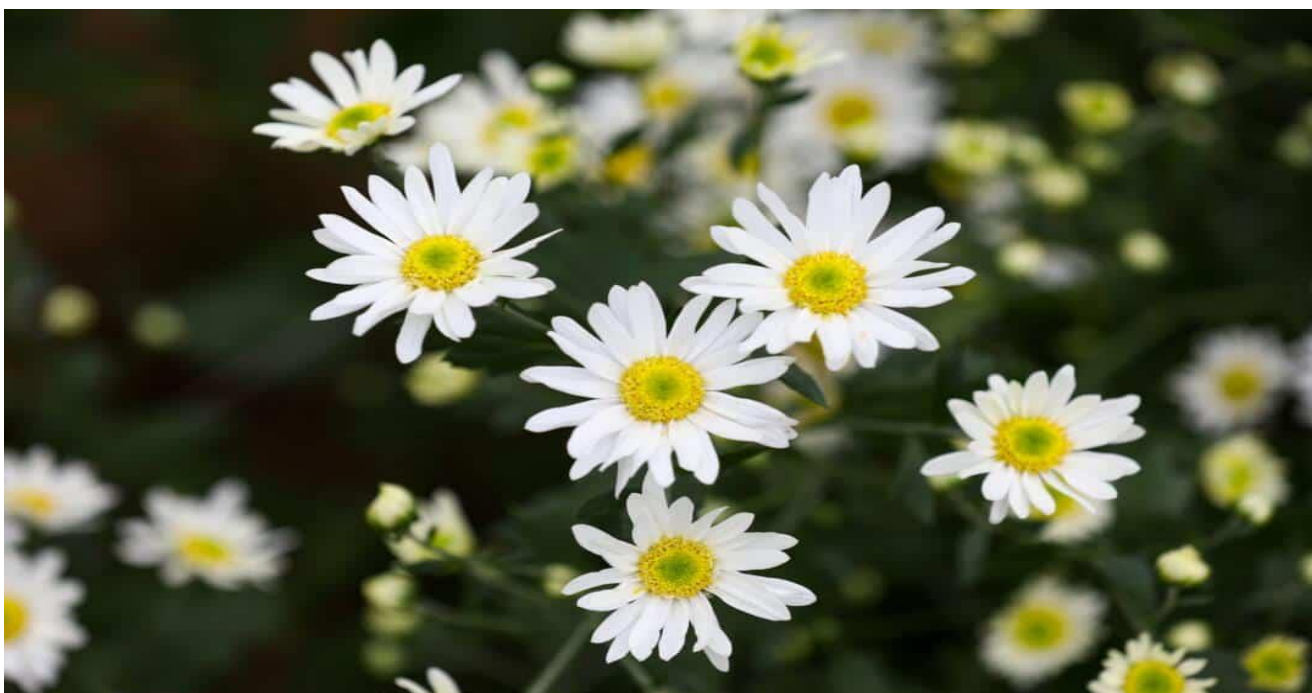
02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

6. Đồ chơi trẻ em nhập lậu ngày càng tăng; Quy định về truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn
7. 5 Tiêu chuẩn ISO quan trọng giúp doanh nghiệp sản xuất nâng cao hiệu quả vận hành
8. ISO 37301 – Duy trì sự tuân thủ của người lao động trong sản xuất xây dựng
9. Tiêu chuẩn Quốc tế mới cho ứng dụng, phát triển và sử dụng AI
10. IEC ban hành các tiêu chuẩn bảo mật cho hệ thống điều khiển và tự động hóa công nghiệp
11. Công bố Tiêu chuẩn dành riêng cho ứng dụng BIM trong ngành xây dựng
12. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13940:2023 quy định về quả thanh long sấy
13. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13607-4:2024 quy định về giống cây cam
14. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13607-6:2024 quy định về giống cây chuối
16. Cải tiến và chuẩn hóa hệ thống tem truy xuất nguồn gốc
17. Chứng nhận FDA và các tiêu chuẩn quan trọng trong sản xuất mỹ phẩm
18. Ứng dụng công nghệ và áp dụng Tiêu chuẩn GS1 – “Thước đo” để đánh giá khả năng truy xuất nguồn gốc thực phẩm
20. Yêu cầu hiệu suất năng lượng máy hút bụi khô theo tiêu chuẩn
21. Tiêu chuẩn Úc AS ISO 22340 về bảo mật
22. Ấn độ khởi xướng điều tra nhiều sản phẩm từ Việt Nam
23. Chính phủ ban hành kế hoạch đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng Quốc gia
27. TCVN 13989:2024 – Yêu cầu đối với chuối cung ứng được mỹ phẩm để truy xuất nguồn gốc

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

30. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 12/2024



❖ **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Ngày 15/11/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 51/2024/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ'



Quy chuẩn này quy định về báo hiệu đường bộ bao gồm: đèn tín hiệu giao thông; biển báo hiệu đường bộ; vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường; cọc tiêu, tường bảo vệ, rào chắn, đỉnh phản qua thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ.

Quy chuẩn này quy định về báo hiệu đường bộ áp dụng cho tất cả các tuyến đường bộ trong mạng lưới đường bộ Việt Nam, các đường nằm trong hệ thống đường bộ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định GMS-CBTA, các thỏa thuận trong ASEAN và các thỏa thuận quốc tế khác) - sau đây gọi là các tuyến đường đối ngoại.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Thông tư này thay thế Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT./.

Ngày 15/11/2024, Bộ trưởng Bộ GTVT vừa ban hành Thông tư số 49/2024/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ

Theo đó, Quyết định ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. Số hiệu: QCVN 40:2024/BGTVT.

Bãi bỏ Thông tư 79/2015/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ QCVN 40:2015/BGTVT.

Quy chuẩn Quốc gia QCVN 40:2024/BGTVT quy định các yêu cầu kỹ thuật về cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị đối với trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (sau đây gọi chung là trung tâm sát hạch).

Quy chuẩn Quốc gia QCVN 40:2024/BGTVT áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan về xây dựng, sử dụng trung tâm sát hạch.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Ngày 15/11/2024, Bộ trưởng Bộ GTVT vừa ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BGTVT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Mã số: QCVN 103:2024/BGTVT.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới. Mã số: QCVN 121:2025/BGTVT.

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến yêu cầu kỹ thuật về cơ sở vật chất và vị trí của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, không áp dụng đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Bãi bỏ Thông tư số 30/2019/TT-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ

Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm xe cơ giới QCVN 103:2019/BGTVT./.

Ngày 15/11/2024, Bộ trưởng Bộ GTVT vừa ban hành Thông tư số 56/2024/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ.



Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ. Cụ thể như sau: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, Số hiệu: QCVN 45:2024/BGTVT.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng 2, Số hiệu: QCVN 114:2024/BGTVT.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, Số hiệu: QCVN 43:2024/BGTVT.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ, Số hiệu: QCVN 116:2024/BGTVT.

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ trong đầu tư, xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp Trạm dừng nghỉ đường bộ.

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác Trạm dừng nghỉ đường bộ.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Bãi bỏ các Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau đây:

a) Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách;

b) Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015;

c) Thông tư số 47/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe hàng;

d) Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ;

đ) Thông tư số 09/2024/TT-BGTVT ngày 05/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Sửa đổi 01:2024 QCVN 43:2012/QCVN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ;

e) Thông tư số 28/2024/TT-BGTVT ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành QCVN 66:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm kiểm tra tải trọng xe./.

Ngày 15/11/2024 Bộ trưởng Bộ GTVT vừa ban hành Thông tư số 57/2024/TT-BGTVT Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc.

Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc, số hiệu QCVN 117:2024/BGTVT.

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường bộ cao tốc (trừ đường cao tốc đô thị).

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì đường bộ cao tốc.

Trong Quy chuẩn có nêu rõ, đường bộ cao tốc có quy mô tối thiểu 04 làn xe chạy (02 làn xe cho mỗi chiều); có làn dừng xe khẩn cấp được bố trí liên tục (trừ các vị trí: qua cầu có khẩu độ nhịp từ 150,0 m trở lên; cầu có trụ cao từ 50,0 m trở lên; hầm; đoạn có bố trí làn tăng, giảm tốc hoặc làn phụ leo dốc).

Các công trình, hạng mục công trình gắn với đường bộ cao tốc bao gồm: đường gom hoặc đường bên; trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến; trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe; hệ thống thu phí điện tử không dừng đối với tuyến đường có thu phí; công trình kiểm soát tải trọng xe; hàng rào bảo vệ và các công trình khác của đường bộ cao tốc.

Mặt cắt ngang đường bộ cao tốc được bố trí trên cùng một nền đường hoặc được bố trí trên hai nền đường riêng biệt đối với hai chiều xe chạy. Số làn xe chạy được xác định trên cơ sở lưu lượng xe thiết kế, nhưng không ít hơn 02 làn xe cho mỗi chiều. Chiều rộng làn xe chạy tối thiểu 3,75 m đối với đường cấp 120, cấp 100 và tối thiểu 3,50 m đối với đường cấp 80 (gồm các đoạn được thiết kế với tốc độ 60 km/h). Làn dừng xe khẩn cấp có chiều rộng tối thiểu 3,00 m đối với đường cấp 120, cấp 100 và tối thiểu 2,50 m đối với đường cấp 80 (gồm các đoạn được thiết kế với tốc độ 60 km/h).

Tốc độ tối đa cho phép khai thác trên đường bộ cao tốc không vượt quá 120 km/h. Tốc độ tối đa cho phép và tốc độ thiết kế không được chênh nhau quá 20 km/h; tốc độ tối đa cho phép của 02 đoạn tuyến liên tiếp không được chênh nhau quá 20 km/h.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Thông tư này thay thế Thông tư số 06/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc QCVN 115:2024./.

❖ **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Ngày 25/12/2024, Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành Thông tư số 37/2024/TT-BTNMT Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải.

Theo đó, Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải, số hiệu: QCVN 56:2024/BTNMT.

Quy chuẩn này quy định về tái chế dầu thải, yêu cầu kỹ thuật và quản lý đối với hoạt động tái chế dầu thải, không quy định đối với hoạt động bảo dưỡng dầu và tái chế dầu thải có nguồn gốc thực phẩm.

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tái chế dầu thải.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2025. QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải (ban hành kèm theo Thông tư số 57/2013/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Điều khoản chuyển tiếp:

1. Dự án đầu tư, cơ sở có hệ thống, công trình, thiết bị tái chế dầu thải đang vận hành thử nghiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải cho đến thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm.

2. Dự án đầu tư, cơ sở có hệ thống, công trình, thiết bị tái chế dầu thải được tiếp tục áp dụng giá trị cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải tái chế dầu quy định tại Bảng 4 QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải cho đến thời điểm có quy định mới thay thế./.

Ngày 16/12/2024, Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành Thông tư số 34/2024/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000 bằng phương pháp đo sâu hồi âm và thành lập bản đồ địa hình đáy biển từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ tương ứng.



Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000 bằng phương pháp đo sâu hồi âm và thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ tương ứng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 1 năm 2025. Quyết định số 03/2007/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000 hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Quy định chuyển tiếp:

1. Đối với các nội dung công việc có liên quan đến đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000 đang triển khai thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000.

2. Các nội dung công việc được triển khai từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo các quy định tại Thông tư này./.

❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

➤ Quyết định công bố Tiêu chuẩn Quốc gia

Quyết định số 2621/QĐ-BKHCN (16/10/2024):

- TCVN 14143-1:2024, Giống cá nước mặn - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Cá diên (*Siganus guttatus* Bloch, 1787)
- TCVN 14143-2:2024, Giống cá nước mặn - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 2: Cá bống bớp (*Bostrichthys sinensis* Lacépède, 1801)
- TCVN 14144-1:2024, Giống động vật lưỡng cư - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1:Ếch
- TCVN 14145:2024, Giống sá sùng (*Sipunculus nudus* Linnaeus, 1767) - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 14146-1:2024, Giống động vật da gai - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Hải sâm cát (*Holothuria scabra* Jaeger, 1833)

Quyết định số 2773/QĐ-BKHCN (29/10/2024):

- TCVN 8731:2024, Công trình thủy lợi - Xác định hệ số thấm của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào, đổ nước và mức nước trong hố khoan
- TCVN 14149:2024, Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu khoan phụt vữa vào nền đất để chống thấm

Quyết định số 3203/QĐ-BKHCN (10/12/2024)

- TCVN 13239-1:2024, Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu dữ liệu lớn - Phần 1: Khung và quy trình ứng dụng
- TCVN 13239-4:2024, Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu dữ liệu lớn - Phần 4: Bảo mật và quyền riêng tư
- TCVN 14199-1:2024, Trí tuệ nhân tạo - Quy trình vòng đời và yêu cầu chất lượng - Phần 1: Mô hình META chất lượng
- TCVN 14199-2:2024, Trí tuệ nhân tạo - Quy trình vòng đời và yêu cầu chất lượng - Phần 2: Độ bền vững
- TCVN 14202:2024, Nút IPv6 - Yêu cầu kỹ thuật./.

ĐỒ CHƠI TRẺ EM NHẬP LẬU NGÀY Càng TĂNG: QUY ĐỊNH VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THEO TIÊU CHUẨN

Hiện nay tình trạng kinh doanh đồ chơi nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đáp ứng được tiêu chuẩn ngày càng gia tăng gây ảnh hưởng không nhỏ cho sức khỏe trẻ nhỏ.



Đồ chơi là yếu tố quan trọng đối với giáo dục mầm non, là công cụ học tập hữu ích giúp trẻ tiếp thu bài học một cách sinh động, nhiệt tình hơn. Mặc dù đồ chơi là sản phẩm hàng hóa gắn liền với trẻ em nhưng thực tế đáng báo động hiện nay đó là tình trạng nhập lậu sản phẩm này ngày càng gia tăng. Thực tế đã có không ít sản phẩm đồ chơi nhập lậu bị lực lượng chức năng các tỉnh phát hiện và thu giữ thời gian gần đây.

Điển hình, mới đây Đội Quản lý thị trường (QLTT) số 1, Cục QLTT tỉnh Ninh Bình đã kiểm tra cửa hàng kinh doanh đồ chơi trẻ em phát hiện và thu giữ gần 700 sản phẩm nhập lậu. Hay Cục QLTT Đà Nẵng kiểm tra đột xuất hộ kinh doanh trên địa bàn quận Thanh Khê đã tạm giữ hơn 1.900 đơn vị sản phẩm là đồ chơi trẻ em nhập lậu có trị giá hơn 101 triệu đồng. Nổi bật hơn là vụ Đội QLTT số 1 - Cục QLTT tỉnh Hậu Giang đã phát hiện cơ sở có trưng bày bán các sản phẩm đúng theo hình ảnh trên tài khoản Facebook "THÚY HÒA", số lượng trên 2.000 sản phẩm "Túi mù" đồ chơi các loại. Toàn bộ hàng hóa có nhãn bằng tiếng nước ngoài, không có

hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ.

Do đó để đảm bảo an toàn cho sự phát triển của trẻ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13992:2024 nhằm đưa ra quy định về truy xuất nguồn gốc – Hướng dẫn thu thập thông tin đối với chuỗi cung ứng đồ chơi trẻ em.

Tiêu chuẩn này đưa ra các hướng dẫn đối với việc thu thập và lưu trữ thông tin trong hệ thống truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng đồ chơi trẻ em. Về yêu cầu về thông tin truy xuất cần ghi nhận, lưu trữ tại đơn vị sản xuất nguyên vật liệu gồm: Thông tin về nguyên vật liệu sản xuất loại nguyên vật liệu; Khối lượng, thể tích; Số lô, số mẻ; Ngày, tháng sản xuất; Người thực hiện sản xuất; Quy cách đóng gói; Chứng nhận đạt chất lượng nguyên vật liệu, ngày tháng cấp, thời hạn; Kết quả kiểm định, giám định, kiểm tra chất lượng; ngày tháng kiểm tra, kiểm định.

Thông tin về đơn vị sản xuất nguyên vật liệu gồm tên đơn vị; Tên người đại diện, địa chỉ, số điện thoại liên hệ; Địa điểm đăng ký kinh doanh; Địa điểm xưởng sản xuất nguyên vật liệu; Mã số thuế/Mã doanh nghiệp; Mã định danh địa điểm pháp nhân; Mã định danh địa điểm vật lý.

Thông tin vận chuyển nguyên vật liệu phải gồm ngày/giờ vận chuyển; Mã chuyển hàng vận chuyển (mã SSCC hoặc tương đương); Phương tiện vận chuyển; Nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển.

Về yêu cầu thông tin cần ghi nhận, lưu trữ tại đơn vị sản xuất gồm: Thông tin về sản phẩm, loại sản phẩm; Số lô, số mẻ; Ngày, tháng sản xuất; Quy cách đóng gói; Chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng, ngày tháng cấp, thời hạn; Kết quả kiểm định, giám định, kiểm tra chất lượng ngày tháng kiểm tra, kiểm định; Thông tin khác (Lứa tuổi, thị trường v.v...). Đơn vị sản xuất gồm tên đơn vị; Tên người đại diện; Địa điểm

đăng ký kinh doanh; Địa điểm xưởng sản xuất; Mã số thuế/Mã doanh nghiệp; Mã định danh địa điểm pháp nhân; Mã định danh địa điểm vật lý. Thông tin vận chuyển sản phẩm gồm ngày/giờ vận chuyển; Mã chuyển hàng vận chuyển (mã SSCC hoặc tương đương); Mã định danh địa

điểm pháp nhân; Mã định danh địa điểm vật lý bên nhận; Phương tiện vận chuyển; Nhân viên vận chuyển; Người giao hàng; Người nhận hàng./.

(*Hồng Vân*)

5 TIÊU CHUẨN ISO QUAN TRỌNG GIÚP DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH

Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế ISO không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ quy định mà còn là chìa khóa để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa hiệu suất hoạt động.



ISO (Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế) đã đóng một vai trò quan trọng trong việc cải thiện hiệu quả hoạt động và đảm bảo chất lượng trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Đặc biệt trong ngành sản xuất, việc áp dụng các tiêu chuẩn ISO không chỉ giúp các công ty duy trì quy trình hoạt động hiệu quả mà còn nâng cao sự tin tưởng từ khách hàng. Dưới đây là 5 tiêu chuẩn ISO hàng đầu được sử dụng trong sản xuất, giúp các doanh nghiệp nâng cao chất lượng, giảm rủi ro và cải thiện hiệu suất.

1. Tiêu chuẩn ISO 9001: Hệ thống quản lý chất lượng

ISO 9001 là một trong những tiêu chuẩn được chứng nhận rộng rãi nhất và là phần quan trọng của bộ chứng chỉ ISO 9000, tập trung vào hệ thống quản lý chất lượng (QMS). Tiêu chuẩn này không trực tiếp đảm bảo chất lượng sản

phẩm mà là chất lượng của các quy trình nội bộ của tổ chức. Việc áp dụng ISO 9001 thường giúp các doanh nghiệp giảm lãng phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và gia tăng sự hài lòng của khách hàng. Một trong những lợi ích lớn nhất của chứng nhận ISO 9001 là việc cải tiến liên tục trong các quy trình và sản phẩm, từ đó mở rộng thị trường và thu hút khách hàng.

Ví dụ, Nhà máy Nhơn Trạch 2 của Tập đoàn Austdoor với chứng nhận ISO 9001:2015, đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế, nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng trưởng bền vững.

2. Tiêu chuẩn ISO 14001: Hệ thống quản lý môi trường

ISO 14001 là một phần của bộ tiêu chuẩn ISO 14000, chuyên về quản lý môi trường. Tiêu chuẩn này giúp các tổ chức xác định, giám sát và kiểm soát các khía cạnh môi trường trong hoạt động của họ, từ ô nhiễm không khí, vấn đề nước thải, quản lý chất thải đến bảo vệ đất đai. Việc đạt được chứng nhận này không chỉ giúp giảm rủi ro về các vấn đề pháp lý và bảo vệ môi trường mà còn thu hút các khách hàng và đối tác có quan tâm đến tính bền vững.

3. Tiêu chuẩn ISO 45001: Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

ISO 45001 là tiêu chuẩn quốc tế được thiết kế nhằm giảm thiểu rủi ro và ngăn ngừa tai nạn tại nơi làm việc. Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các tổ chức, bất kể quy mô và lĩnh vực, để xây dựng và duy trì môi trường làm việc an toàn, lành mạnh.

Điểm khác biệt của ISO 45001 so với các quy định về an toàn là nó thúc đẩy việc cải tiến

liên tục các quy trình về sức khỏe và an toàn, thay vì chỉ tuân thủ yêu cầu tối thiểu. Các nhà sản xuất áp dụng ISO 45001 có thể giảm tỷ lệ tai nạn lao động, giảm chi phí bảo hiểm, đồng thời nâng cao năng suất vì ít thời gian chết hơn.

4. Tiêu chuẩn ISO 50001: Hệ thống quản lý năng lượng

ISO 50001 là tiêu chuẩn quốc tế về quản lý năng lượng, giúp các tổ chức cải thiện hiệu suất năng lượng, giảm chi phí năng lượng và đáp ứng các mục tiêu môi trường. Tiêu chuẩn này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất có quy trình sử dụng năng lượng lớn.

Với ISO 50001, các tổ chức có thể tối ưu hóa quy trình tiêu thụ năng lượng, từ đó giảm chi phí vận hành và giảm phát thải khí carbon. Đặc biệt, chứng nhận này còn giúp các nhà sản xuất thu hút sự chú ý của các đối tác và khách hàng có ý thức bảo vệ môi trường.

5. Tiêu chuẩn ISO 10204: Tiêu chuẩn quản lý nguyên vật liệu

ISO 10204 là một tiêu chuẩn quan trọng trong ngành sản xuất, đặc biệt là trong các lĩnh vực như hàng không vũ trụ, ô tô và chăm sóc sức khỏe, nơi tính toàn vẹn của nguyên liệu là yếu tố then chốt. Tiêu chuẩn này cung cấp các hướng dẫn về chứng nhận vật liệu và báo cáo thử nghiệm, nhằm đảm bảo rằng các thành phần nguyên liệu của sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng.

Việc tuân thủ ISO 10204 giúp các công ty sản xuất chứng minh rằng nguyên liệu của họ đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn, đồng thời tăng cường sự tin cậy từ phía khách hàng. Điều này đặc biệt quan trọng trong các ngành có yêu cầu chất lượng và sự an toàn cao, như hàng không vũ trụ và y tế./.

(Trần Thúy)

ISO 37301 – DUY TRÌ SỰ TUÂN THỦ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT XÂY DỰNG

Duy trì văn hóa tuân thủ là điều quan trọng đối với những người lao động trong ngành xây dựng. Đối với các nhà sản xuất sản phẩm xây dựng, điều này càng được chú trọng nhiều hơn bởi nó liên quan đến sự phát triển doanh số sản phẩm bán ra, thử nghiệm và chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, sự tuân thủ này còn được áp dụng trong nhiều khía cạnh, ngay cả cách người bán hàng cũng cần có để tiếp thị sản phẩm và hỗ trợ kỹ thuật khi khách hàng cần. Để hỗ trợ các tổ chức trong việc phát triển và duy trì văn hóa này, Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) đã đưa ra tiêu chuẩn hệ thống quản lý tuân thủ – ISO 37301:2021 – cho phép và xác minh và cung cấp thông lệ tốt nhất trong lĩnh vực này cho các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu.

Tiêu chuẩn ISO 37301 cung cấp các hướng dẫn và yêu cầu để thiết lập, phát triển và cải tiến liên tục hệ thống quản lý tuân thủ. Tiêu chuẩn này thay thế ISO 19600:2014, phiên bản



mới này nâng cao các yêu cầu và tập trung nhiều hơn vào cấu trúc hài hòa cho các tiêu chuẩn hệ thống quản lý.

Quan trọng là, không giống như tiêu chuẩn trước, ISO 37301 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý Loại A. Điều này có nghĩa là các công ty được cấp chứng nhận phải trải qua đánh giá sự phù hợp thông qua bên thứ ba độc lập. Như vậy, càng tăng thêm mức độ đảm bảo cao hơn đối với các công ty và doanh nghiệp trong lĩnh vực sản phẩm xây dựng, càng làm tăng sự tin

cây của khách hàng vào những nơi được đánh giá chứng nhận đang duy trì văn hóa tuân thủ. Tiêu chuẩn này được thiết kế để phù hợp với các công ty có quy mô và bối cảnh khác nhau và bao gồm một số nguyên tắc chính được coi là thiết yếu đối với hệ thống quản lý tuân thủ, bao gồm: Chính trực; Quản trị; Tỷ lệ thuận; Tính minh bạch; Trách nhiệm giải trình; Tính bền vững.

Ngoài việc đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp lý, tiêu chuẩn này cũng được thiết kế để giúp các tổ chức đáp ứng và vượt quá các yêu cầu của một loạt các tiêu chuẩn tự nguyện bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau. Vì lý do này, tiêu chuẩn này đã được phát triển để dễ dàng triển khai trong Hệ thống quản lý tích hợp được chứng nhận theo các tiêu chuẩn liên quan khác, bao gồm ISO 9001:2015 (chất lượng), ISO 14001:2015 (môi trường) và ISO 50001:2018 (năng lượng). Tiêu chuẩn này cũng có thể đóng góp vào các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc - mục tiêu số 8 (công việc ổn định và tăng trưởng kinh tế), mục tiêu số 11 (thành phố và cộng đồng bền vững) và mục tiêu số 16 (hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ).

Ngoài ra, quá trình đánh giá ISO 37301 rất nghiêm ngặt và phải được áp dụng không chỉ cho các địa điểm sản xuất mà còn trên toàn bộ doanh nghiệp, chia thành sáu lĩnh vực cốt lõi. Điển hình như: Khả năng lãnh đạo; Kế hoạch; Ủng hộ; Hoạt động; Đánh giá hiệu suất; Sự cải tiến.

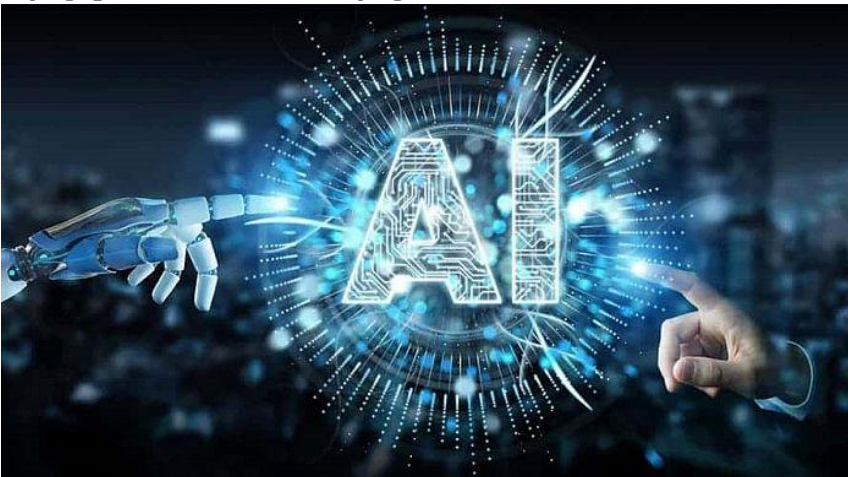
Có một số yêu cầu mà các tổ chức phải đáp ứng cho từng lĩnh vực này. Ví dụ, 'hoạt động' kiểm tra việc lập kế hoạch và kiểm soát hoạt động, thiết lập các biện pháp kiểm soát và thủ tục, nêu lên mối quan ngại và các quy trình điều tra. Các yêu cầu phải được đáp ứng cho từng yếu tố khác nhau để đạt được chứng nhận. Tuy nhiên, cả hướng dẫn và các yêu cầu đều có thể được điều chỉnh để phù hợp với quy mô và mức độ phức tạp của tổ chức đang được đánh giá.

Quan trọng là, theo các chứng nhận ISO khác, các công ty được chứng nhận phải trải qua quá trình kiểm toán liên tục trong ba năm. Điều này đảm bảo rằng các tiêu chuẩn được duy trì theo thời gian và các doanh nghiệp đang cam kết đúng đắn với mục tiêu cải tiến liên tục, thiết lập và duy trì văn hóa tuân thủ tích cực trong toàn bộ tổ chức của họ./.

(Phạm Trang)

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ MỚI CHO ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG AI

Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) gần đây đã phát triển một tiêu chuẩn mới về trí tuệ nhân tạo, ISO/IEC 5339:2024: Ứng dụng, phát triển và sử dụng AI.



Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 5339:2024 ("ISO 5339") được công bố vào đầu năm 2024 với mục đích thiết lập một khuôn khổ chung mà các bên liên quan có thể sử dụng để cung cấp câu trả lời cho câu hỏi: "Đặc điểm và những cân nhắc trong ứng dụng AI là gì?". Tiêu chuẩn ISO 5339 sẽ tạo điều kiện cho sự tham gia nhất quán của các bên liên quan trong suốt vòng đời của hệ thống AI, thúc đẩy phát triển và triển khai AI có trách nhiệm.

Bản tiêu chuẩn này cung cấp hướng dẫn về việc xác định bối cảnh, cơ hội và quy trình liên quan

đến việc phát triển và triển khai các ứng dụng AI. "Ứng dụng AI" được định nghĩa trong tiêu chuẩn là quá trình sử dụng AI với các đặc điểm chức năng hoạt động phù hợp với từng bối cảnh khác nhau để mang lại kết quả mong muốn.

ISO 5339 cung cấp góc nhìn mới hơn, nâng cao về bối cảnh ứng dụng AI, đề cao vai trò của các bên liên quan, mối quan hệ của giữa bên sử dụng và ứng dụng AI cùng như một vòng đời trong ứng dụng này là bao lâu, có khả năng lặp lại hay không? Việc ứng dụng tiêu chuẩn này trong các lĩnh vực đời sống sẽ giúp các bên liên quan có được sự hiểu biết chung về các ứng dụng AI, cách chúng hoạt động và các lợi ích cũng như rủi ro tiềm ẩn liên quan đến chúng. Điều này sẽ thúc đẩy sự hợp tác, sự tham gia và sự chấp nhận hiệu quả giữa các bên khác nhau tham gia vào các ứng dụng AI.

Mặt khác, tiêu chuẩn ISO 5339 hướng đến mục tiêu tăng cường sự giao tiếp và chấp nhận giữa bên liên quan bằng cách cung cấp một khuôn khổ bao gồm các quan điểm "tạo ra", "sử dụng" và "tác động" của cả hệ thống AI. Tiêu chuẩn ISO 5339 bổ sung cho các tiêu chuẩn ISO hiện có liên quan đến trí tuệ nhân tạo như ISO 42001, ISO 38507 và ISO 23894, lần lượt giải quyết vấn đề như: Sử dụng AI có trách nhiệm, ý nghĩa quản trị và quản lý rủi ro AI.

Trong bản tiêu chuẩn ISO 5339 có đề cập đến ba chủ đề chính:

Một là, cách tiếp cận để thiết lập các bên liên quan, bối cảnh, đặc điểm chức năng và phi chức năng của ứng dụng AI. Các đặc điểm phi chức năng ở đây được hiểu là độ tin cậy, đạo đức, mối quan tâm của xã hội, quản lý rủi ro, bảo mật, quyền riêng tư và khả năng giải thích.

Hai là, khuôn khổ ứng dụng AI có thể được sử dụng để trả lời câu hỏi: "Đặc điểm và những cân nhắc trong ứng dụng AI là gì?".

Cuối cùng là, hướng dẫn cho các ứng dụng AI dựa trên quan điểm "tạo ra", "sử dụng" và "tác động".

Có thể nói, tiêu chuẩn ISO 5339 đã cung cấp một quy trình toàn diện và hoàn chỉnh cho các bên liên quan đến AI tham gia vào quá trình phát triển, triển khai, vận hành và giám sát các ứng dụng AI. Bằng cách xem xét các khía cạnh khác nhau được nêu trong tiêu chuẩn, chẳng hạn như mục đích, đặc điểm, hiệu suất, rủi ro và lợi ích, các bên liên quan có thể đảm bảo tuân thủ về mặt đạo đức, pháp lý và xã hội. Tiêu chuẩn này thúc đẩy sự phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ tốt nhất hiện có, bao gồm các tiêu chuẩn ISO khác và giúp các công ty công nghệ xác định các lĩnh vực cần cải thiện.

Mặc dù ISO 5339 không đề cập cụ thể đến AI tạo sinh, nhưng quy trình, khái niệm và khuôn khổ này không phụ thuộc vào công nghệ và có thể được áp dụng cho các ứng dụng và bối cảnh AI tạo sinh./.

(Nguyễn Nam)

IEC BAN HÀNH CÁC TIÊU CHUẨN BẢO MẬT CHO HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG NGHIỆP

IEC (Ủy ban Kỹ thuật Điện quốc tế) đã công bố tiêu chuẩn IEC 62443-2-1:2024 về vấn đề bảo mật cho các hệ thống điều khiển và tự động hóa công nghiệp. Tài liệu, Phần 2-1: Yêu cầu về Chương trình Bảo mật cho Chủ sở hữu Tài sản IACS, phác thảo các chính sách và thủ tục cần thiết cho các chương trình bảo mật mà chủ sở hữu tài sản phải triển khai để bảo vệ các hệ thống điều khiển và tự động hóa công nghiệp (IACS) trong quá trình vận hành. Tài liệu sử

dụng định nghĩa và phạm vi rộng về những gì cấu thành nên IACS như được mô tả trong IEC TS 62443-1-1. Trong bối cảnh của tài liệu này, chủ sở hữu tài sản cũng bao gồm cả người vận hành IACS.

Tiêu chuẩn IEC 62443-2-1:2024 nêu rõ rằng chủ sở hữu tài sản cần có các chính sách và quy trình xung quanh các loại yêu cầu này. Trong trường hợp chủ sở hữu tài sản có các hệ thống cũ không có khả năng kỹ thuật gốc, các biện pháp bảo mật bù trừ có thể là một phần

của các chính sách và quy trình được chỉ định trong tài liệu này.

Phiên bản mới nhất bao gồm những thay đổi kỹ thuật quan trọng liên quan đến phiên bản trước. Phiên bản này bao gồm cấu trúc yêu cầu được sửa đổi thành các thành phần SP (SPE); các yêu cầu được sửa đổi để loại bỏ sự trùng lặp của hệ thống quản lý bảo mật thông tin (ISMS); và xác định mô hình trưởng thành để đánh giá các yêu cầu.



Các yếu tố của IACS SP được mô tả trong tài liệu IEC 62443-2-1:2024 xác định các khả năng bảo mật bắt buộc áp dụng cho hoạt động bảo mật của IACS. Mặc dù chủ sở hữu tài sản chịu trách nhiệm cuối cùng cho hoạt động bảo mật của IACS, việc triển khai các khả năng bảo mật này thường bao gồm sự hỗ trợ từ các nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp sản phẩm của họ. Vì lý do này, tài liệu này hướng dẫn chủ sở hữu tài sản khi nêu các yêu cầu bảo mật cho các nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp sản phẩm của họ, tham chiếu đến các phần khác của loạt IEC 62443.

IEC 62443-2-1:2024 nêu chi tiết rằng mỗi tình huống sẽ khác nhau. “Trong một số tình

huống, rủi ro có thể liên quan đến các yếu tố về sức khỏe, an toàn và môi trường (HSE) thay vì chỉ tác động kinh tế. Rủi ro có thể gây ra hậu quả không thể khắc phục được thay vì là sự thất bại tạm thời về tài chính. Do đó, một bộ các biện pháp bảo mật bắt buộc được xác định trước có thể quá hạn chế và có khả năng khá tốn kém để thực hiện hoặc không đủ để giải quyết rủi ro.”

Tiêu chuẩn cũng hỗ trợ nhu cầu giải quyết vấn đề an ninh mạng cho một IACS đang hoạt động bằng cách cung cấp các yêu cầu để thiết lập, triển khai, duy trì và liên tục cải thiện một IACS SP. Các yêu cầu này, khi được triển khai một cách tận tâm, cung cấp các khả năng bảo mật có mục đích là giảm rủi ro bảo mật của IACS xuống mức có thể chấp nhận được. Các yêu cầu này được viết để độc lập với việc triển khai, cho phép chủ sở hữu tài sản lựa chọn các phương pháp phù hợp nhất với nhu cầu của họ.

IEC 6 2443-3-2 mô tả phương pháp giải quyết rủi ro an ninh mạng trong thiết kế hệ thống IACS và hỗ trợ xác định rủi ro cũng như lựa chọn các yêu cầu bảo mật phù hợp và các khả năng liên quan cho IACS SP.

Hiệu quả của IACS SP thường được tăng cường thông qua việc phối hợp hoặc tích hợp với các quy trình của tổ chức và hệ thống quản lý bảo mật thông tin (ISMS) tổng thể. Ví dụ, bảo mật có thể được thêm vào các quy trình chuỗi cung ứng của tổ chức để yêu cầu bảo mật trong thiết kế các quy trình, hệ thống và kiểm soát. Người ta cũng mong đợi rằng IACS SP sẽ được mở rộng theo nhu cầu của IACS và tổ chức./

(An Hạ)

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN DÀNH RIÊNG CHO ỨNG DỤNG BIM TRONG NGÀNH XÂY DỰNG

BIM là từ viết tắt của Building Information Modeling – có nghĩa là “xây dựng mô hình thông tin”. Đây là cụm từ để nói về ứng dụng tiên tiến được áp dụng trong ngành xây dựng và được sử dụng

trong xuyên suốt quá trình thi công các dự án, từng bước thiết kế, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng cho đến lúc dự án hoàn thành.

Mới đây, Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) đã công bố bản tiêu chuẩn cập nhật mới nhất dành

cho đối tượng BIM là BS EN ISO 22014: 2024. Tiêu chuẩn này thay thế cho các bản tiêu chuẩn trước đó, bao gồm BS 8541-1:2012, BS 8541-5:2015, BS 8541-4:2012 và BS 8541-3:2012, đều bị thu hồi.

BS 22014 chỉ định các yêu cầu để xác định cấu trúc và nội dung cho các đối tượng thư viện để hỗ trợ khởi tạo dự án, tóm tắt, thiết kế, đấu thầu, xây dựng, vận hành, sử dụng và phá dỡ. Qua đó giúp hỗ trợ việc phát triển thông tin trong suốt quá trình, liên quan đến BIM và tổ chức các đối tượng thành thư viện.



Tiêu chuẩn mới thiết lập các yêu cầu để xác định các đối tượng mẫu, đối tượng chung và đối tượng sản phẩm trong các quy trình thiết kế và thư viện dựa trên dữ liệu. Tiêu chuẩn này cũng thiết lập các yêu cầu đối với các ký hiệu đồ họa và các quy ước đồ họa khác để sử dụng trên bản vẽ cho môi trường xây dựng, đưa ra các nguyên tắc và định nghĩa cho cách trình bày trực quan đơn giản và mang tính biểu tượng của các đối tượng.

BS 22014 cũng mô tả cơ sở lý luận của biểu tượng, thiết lập các quy tắc cho việc thiết kế biểu tượng đồ họa và các quy ước đồ họa khác, đồng thời đưa ra các khuyến nghị về việc áp dụng các quy tắc đó và cách sử dụng biểu tượng.

Hơn nữa, tiêu chuẩn mới xác định mục đích mô tả hình dạng và phép đo của các đối tượng thư viện, và mục đích chỉ định và đánh giá các thuộc tính cho các đối tượng thư viện. Tiêu chuẩn này xác định thông tin phù hợp cho các mục đích sử dụng cụ thể, bao gồm chỉ định

kết quả mong muốn (thường là do các nhà thiết kế và kỹ sư) và lựa chọn các sản phẩm đã xác định (thường là do các nhà thầu và nhà thầu phụ). Tiêu chuẩn này cũng đưa ra các khuyến nghị cho việc áp dụng các cụm lắp ráp trong hoạt động BIM tích hợp.

Cuối cùng, BS 22014 cũng đề cập đến lược đồ IFC (Industry Foundation Classes – một thuật ngữ về định dạng trong ngành xây dựng) như một mô hình đối tượng

chung.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các chuyên gia và nhà cung cấp dịch vụ tạo ra và sử dụng các đối tượng thư viện có thông tin chung và thông tin cụ thể về sản phẩm. Bao gồm nhưng không giới hạn ở các nhà sản xuất và nhà cung cấp sản phẩm, tác giả thư viện, nhà thiết kế và kỹ sư, nhà thầu, chủ sở hữu, người bảo trì và người ủy quyền./

(Phạm Trang)

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 13940:2023 QUY ĐỊNH VỀ QUẢ THANH LONG SẤY

Trong quả thanh long có chứa rất nhiều chất dinh dưỡng quý giá với cơ thể, chứa nguồn cung cấp các chất xơ, sắt và magie dồi dào. Tuy nhiên, đối với thanh long đông lạnh, cần tuân thủ theo TCVN 13940:2023 để đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Không chỉ có hương vị ngon ngọt dễ ăn, mà trong thanh long cũng chứa hàm lượng chất dinh dưỡng cao. Loại quả này được xem là nguồn cung cấp chất xơ, sắt và magie vô cùng tuyệt vời cho cơ thể. Với lượng chất xơ và magie dồi dào, hàm lượng calo cực thấp và

không có chất béo, thanh long được xem là loại trái cây đem lại nhiều lợi ích cho sức khỏe tổng thể.



Quả thanh long không chỉ được ưa chuộng khi sử dụng tươi, mà còn được bảo quản thành sản phẩm sấy, thu hút đông đảo người tiêu dùng trong và ngoài nước. Tuy nhiên, trước khi đưa ra tiêu thụ trên thị trường, thanh long đông lạnh cần tuân thủ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13940:2023 quy định về quả thanh long đông lạnh do Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Theo đó, TCVN 13940:2023 được áp dụng cho các sản phẩm thanh long (thuộc các chi *Selenicereus* và *Hylocereus*, họ *Cactaceae*) sấy, bao gồm dạng sấy giòn và sấy dẻo, được sử dụng làm thực phẩm.

Về tiêu chuẩn bao gói, sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì kín khí và không

thấm nước để đảm bảo tính chất cảm quan và các đặc tính chất lượng đặc trưng khác của sản phẩm. Vật liệu bao gói phải đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định đối với vật liệu, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

Về quy định ghi nhãn sản phẩm cần tuân thủ theo TCVN 7087 (CODEX STAN 1) và các quy định hiện hành. Tên sản phẩm có thể là “Thanh long sấy”, “Thanh long sấy dẻo”, “Thanh long sấy giòn” hoặc tên gọi thích hợp khác. Tên sản phẩm cần mô tả đúng bản chất của sản phẩm mà không lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Thông tin đối với các vật chứa sản phẩm không dùng để bán lẻ có thể được ghi trên nhãn hoặc trong các tài liệu kèm theo; riêng tên sản phẩm, mã định danh lô hàng, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà đóng gói, nhà phân phối hoặc nhà nhập khẩu, cũng như hướng dẫn bảo quản phải được ghi trên nhãn. Tuy nhiên, mã định danh lô hàng, tên và địa chỉ nhà sản xuất hoặc nhà đóng gói, nhà phân phối hoặc nhà nhập khẩu có thể thay bằng dấu hiệu nhận biết, với điều kiện là dấu hiệu đó có thể dễ dàng nhận biết cùng với các tài liệu kèm theo lô hàng.

Thêm vào đó, sản phẩm được bảo quản trong điều kiện khô, sạch, không có mùi lạ, duy trì được chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm. Đối với phương tiện vận chuyển sản phẩm phải khô, sạch, không có mùi lạ và duy trì được chất lượng sản phẩm. Không vận chuyển sản phẩm lẫn với các loại hàng hóa khác có thể ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm./.

(Trần Thúy)

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 13607-4:2024 QUY ĐỊNH VỀ GIỐNG CÂY CAM

Thời gian qua, tại nhiều địa phương trên cả nước đã nhân rộng mô hình trồng cam và mang lại thu nhập tốt đối với nhiều hộ dân. Tuy nhiên, để mang lại hiệu quả kinh tế cao

người trồng cần tuân thủ tiêu chuẩn chọn giống cây theo TCVN 13607- 4:2024 quy định về giống cây cam.

Trái cam cung cấp chất xơ, vitamin C,

thiamine, folate và chất chống oxy hóa lành mạnh, đem lại nhiều lợi ích tốt cho sức khỏe. Bình quân trong một trái cam có chứa khoảng 170 mg phytochemicals bao gồm các chất dưỡng da và chống lão hóa. Và đặc biệt cam còn có tác dụng giúp giải nhiệt, bù nước khi có cường độ vận động cao, tăng cường hệ tiêu hóa và hệ miễn dịch của cơ thể.



Với những lợi ích nêu trên, Những năm gần đây, nhận thấy hiệu quả kinh tế cao từ cây cam, diện tích trồng cam tại Việt Nam liên tục được mở rộng, mang lại thu nhập cao cho nhiều hộ dân. Tuy nhiên, để mang lại hiệu quả ổn định và lâu dài, người trồng cần tuân thủ tiêu chuẩn chọn giống cây theo TCVN 13607-4:2024 quy định về giống cây cam

Theo đó, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13607- 4:2024 do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với việc sản xuất giống của loài cam chanh (*Citrus sinensis*) và loài cam sành

(*Citrusreticulata* x *Citrus sinensis*) bằng phương pháp ghép.

Đối với yêu cầu kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, giống cam phải được sản xuất trong nhà lưới chống côn trùng hoặc nhà kính. Trong trường hợp sản xuất trong nhà lưới chống côn trùng, kích thước ô lưới đạt tối thiểu 90 ô/cm² để khống chế sự xâm nhập của rầy chống cánh và các loài rệp từ bên ngoài.

Tiếp đó, cây gốc ghép trước khi gieo trồng phải đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành đối với chất lượng vật liệu nhân giống cây cam; được gieo từ hạt của các loài thuộc chi *Citrus*, chi *Poncirus* và các dạng lai của hai chi này. Trong đó, Cành ghép và mắt ghép phải đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành đối với chất lượng vật liệu nhân giống cây cam; phải được lấy từ cành bánh tẻ của cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng đã được công nhận; mắt ghép phải nổi rõ trong nách lá.

Quy định về đất và giá thể được sử dụng trong bầu ươm, vườn ươm phải tơi xốp, dung trọng nhỏ hơn 900 kg/m³, không nhiễm vi sinh vật gây hại. Trường hợp sản xuất cây giống trong bầu, túi bầu hoặc dụng cụ khác phải có kích thước đủ lớn để bộ rễ cây giống không phát triển chạm đến thành và đáy của túi hoặc dụng cụ ươm giống và phải có lỗ thủng ở đáy và/hoặc xung quanh để thoát nước.

Khi tiến hành ghép khi đường kính gốc ghép tại vị trí cách mặt bầu 20 cm đạt tối thiểu 0,8 cm. Sử dụng các phương pháp ghép mắt và ghép cành phù hợp./.

(Trần Thúy)

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 13607-6:2024: QUY ĐỊNH VỀ GIỐNG CÂY CHUỐI

Cây chuối nằm trong top 10 mặt hàng xuất khẩu nông sản chủ lực, với nhiều đơn hàng tăng từ các thị trường lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ. Do đó, nhằm nâng cao chất lượng chuối xuất khẩu, người trồng

cần chọn giống cây tuân thủ theo TCVN 13607- 6:2024.

Xuất khẩu rau quả nửa đầu năm 2024 đã mang về doanh thu gần 3,5 tỷ USD với nhiều đơn hàng tăng từ nhiều thị trường lớn như

Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ. Trong đó, chuối nằm trong top 10 mặt hàng xuất khẩu lớn. Dự báo, năm nay xuất khẩu loại trái cây này sẽ đạt khoảng 300 triệu USD.



Du địa tăng trưởng chủ yếu đến từ thị trường Trung Quốc. Đây vừa là thế mạnh khi Việt Nam có lợi thế về địa lý. Thế nhưng, điều này cũng đặt ra vấn đề quản lý chất lượng sản phẩm chuối xuất khẩu. Do đó, để nâng cao chất lượng, người trồng chuối cần lựa chọn giống cây tuân thủ theo TCVN 13607- 6:2024 để tạo ra thành phẩm chất lượng tốt nhất.

Theo đó, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13607- 6:2024 do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với việc sản xuất giống của loài chuối (*Musa spp.*) bằng phương pháp nuôi cấy mô.

Đối với yêu cầu kỹ thuật về cơ sở hạ tầng trồng giống cây chuối quy định : Phải có đầy đủ phòng chuẩn bị môi trường; phòng cấy và phòng nuôi sau cấy. Phòng cấy phải đảm bảo tiệt trùng. Phòng nuôi sau cấy phải đảm bảo ánh sáng từ 2000 lux đến 3000 lux, nhiệt độ từ 25 °C đến 28 °C, độ ẩm từ 70 % đến 80 %.

Thêm vào đó, các thiết bị phục vụ nuôi cấy mô (buồng cấy, nồi hấp, máy đo pH, cân điện tử, giàn nuôi cấy, tủ bảo quản hóa chất chuyên

dụng, máy sấy, hóa chất); thiết bị phân lập và nuôi cấy vi sinh vật; thiết bị giám định vi sinh vật gây bệnh bằng kỹ thuật PCR (Polymerase Chain Reaction), ELISA (Enzyme-Linked Immunosorbent Assay) phải được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định hiện hành. Bên cạnh đó, cần có vườn ươm có mái che mưa và điều chỉnh được ánh sáng.

Đối với cây cung cấp thực liệu nuôi cấy mô phải đúng giống, không biến dị hình thái (bền vững về mặt di truyền trong quá trình vi nhân giống) và có các đặc tính nông học tốt và không nhiễm nấm *Fusarium oxysporum f. sp. cubense* gây bệnh héo rũ Panama, vi rút Banana Bunchy top virus (BBTV) gây bệnh chùn ngọn/đọt, vi rút Cucumber Mosaic virus (CMV) gây bệnh bệnh khảm lá, nấm *Pseudocercospora fijiensis* gây bệnh đốm đen Sigatoka (Black Sigatoka), vi khuẩn *Pseudomonas solanacearum* gây bệnh thối thân.

Trường hợp sản xuất cây giống trong bầu, túi bầu hoặc dụng cụ khác phải có kích thước đủ lớn để bộ rễ cây giống không phát triển chạm đến thành và đáy của túi hoặc dụng cụ ươm giống và phải có lỗ thủng ở đáy và/hoặc xung quanh để thoát nước.

Về yêu cầu kỹ thuật nhân giống chuối bằng phương pháp nuôi cấy mô được thực hiện theo hai giai đoạn: giai đoạn nhân trong ống nghiệm (invitro) và giai đoạn nuôi cây trong vườn ươm như sau:

Giai đoạn nhân giống trong ống nghiệm

Bước 1: Tái sinh mô tế bào (Plant cell culture initiation). Tế bào được tách từ đỉnh sinh trưởng của hoa hoặc chồi củ được đặt trong môi trường tái sinh phù hợp, phổ biến nhất là BAP (Benzyl Amino Purine). Trường hợp sử dụng BAP, nồng độ phù hợp từ 1,5 ppm đến 2 ppm để tạo tối đa 5 chồi tái sinh.

Bước 2: Nhân nhanh chồi tái sinh từ mô tế bào (Multiplication of adventitious buds). Sử dụng chồi đã được tái sinh tại bước 1 để nhân tiếp trong môi trường phù hợp, phổ biến nhất

là môi trường MS (Murashige and Skoog medium) có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng phù hợp. Mỗi chồi tái sinh từ bước 1 không được cấy truyền quá 7 lần.

Bước 3: Tạo cây giống nuôi cấy mô hoàn chỉnh trong ống nghiệm (Invitro plant regeneration). Đưa các chồi tái sinh tại bước 2 vào môi trường phù hợp, phổ biến nhất là môi trường MS có bổ sung than hoạt tính hoặc IAA (β -Indol Acetic Acid) hoặc NAA (α -Naphthalene

Acetic Acid).

Giai đoạn nuôi cấy trong vườn ươm

Cây cần được trồng trong nhà có mái che mưa và điều chỉnh được ánh sáng phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng.

Các cây biến dị về hình thái phải loại bỏ ngay trong tất cả các giai đoạn nhân giống (từ khi nhân chồi tái sinh đến đưa cây ra nuôi trong vườn ươm)./.

(Bảo Linh)

CẢI TIẾN VÀ CHUẨN HÓA HỆ THỐNG TEM TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Nhiều cơ sở và doanh nghiệp tại Việt Nam đã sử dụng tem truy xuất nguồn gốc (TXNG) để cung cấp thông tin về sản phẩm. Tuy nhiên, hoạt động này hiện nay chưa được chuẩn hóa về nội dung và hình thức, đồng thời chưa hoàn toàn tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Hạn chế trong hệ thống tem TXNG



Mặc dù tem TXNG đã được áp dụng rộng rãi, nhưng thực tế, hệ thống truy xuất này chỉ áp dụng cho mã nội bộ của từng doanh nghiệp, gây ra sự hạn chế trong khả năng truy xuất thông tin toàn diện. Các hệ thống TXNG hiện nay chủ yếu khép kín, không kết nối được với các cơ quan quản lý nhà nước và các hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc tế. Điều này khiến cho việc quản lý, kiểm tra và xác minh nguồn gốc hàng hóa trở nên khó khăn và không hiệu quả.

Một yếu tố khác làm cho hệ thống TXNG thiếu minh bạch là việc thiếu sự quản lý chặt chẽ từ các cơ quan nhà nước. Tem TXNG hiện nay được in ấn và kê khai thông tin một cách tự do, dẫn đến tình trạng nhiều công ty phần mềm cung cấp dịch vụ TXNG không đáp ứng đầy đủ yêu cầu và thiếu sự chuẩn hóa về thông tin.

Do chưa có chuẩn mực chung cho việc triển khai TXNG sản phẩm, xã hội cũng gặp phải nhiều nhầm lẫn. Nhiều người nghĩ rằng chỉ cần có mã vạch hoặc QR code trên bao bì là đủ để chứng minh sản phẩm có tem TXNG hoặc cho rằng việc cung cấp thông tin về doanh nghiệp hoặc vị trí sản xuất là đủ. Điều này khiến cho nhận thức về TXNG chưa được hiểu đúng đắn và đầy đủ, ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thống này.

Ngoài ra, quy định về báo cáo, lưu trữ truyền thông tin giữa các đơn vị trong chuỗi cung ứng còn chưa rõ ràng. Mặc dù có nhiều quy định về hoạt động truy xuất nội bộ, nhưng việc kết nối thông tin từ đầu đến cuối chuỗi sản phẩm lại chưa được thực hiện đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu.

Các giải pháp cải thiện

Để khắc phục những hạn chế này, Phó Viện trưởng Viện Phát triển doanh nghiệp VCCI, Lê Thị Thu Thủy cho biết, TXNG hàng hóa cần phải phục vụ cho mục đích quản lý chuỗi cung ứng, cung cấp thông tin cho người tiêu dùng và hỗ trợ cơ quan nhà nước trong việc kiểm soát hàng hóa. Chính phủ đã có các khung

pháp lý để hỗ trợ doanh nghiệp, điển hình là Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố 30 tiêu chuẩn quốc gia về TXNG, cùng với Thông tư số 02/2024/TT-BKHHCN ban hành ngày 28/3/2024 quy định về quản lý TXNG, có hiệu lực từ ngày 01/6/2024.

Ngoài ra, các cơ quan nhà nước đã thực hiện các chương trình đào tạo và tập huấn cho doanh nghiệp để nâng cao nhận thức và kỹ năng triển khai hệ thống TXNG. UBND tỉnh Tiền Giang, ví dụ, đã ban hành Kế hoạch 204 để triển khai hệ thống này, với mục tiêu đào tạo 100% tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh về TXNG trước năm 2025.

Tại Trung tâm Phát triển khoa học công nghệ và đo lường chất lượng LACO, nghiên cứu sinh Nguyễn Hoàng Thanh Lam đề xuất xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thống nhất và chuẩn hóa về hình thức, nội dung của tem, nhãn và các phương thức TXNG. Đặc biệt, cần phải quy định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của từng bên trong chuỗi cung ứng, cùng với việc kiểm tra, giám sát của bên thứ ba trong

toàn bộ quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thực phẩm cũng là một giải pháp cần thiết. Các mô hình như hệ thống RASFF của châu Âu hay HARPC của Hoa Kỳ có thể được áp dụng tại Việt Nam để giám sát chất lượng sản phẩm, đồng thời xây dựng cổng thông tin TXNG quốc gia kết nối đồng bộ dữ liệu với các hệ thống thông tin tại các tỉnh, thành phố, giúp việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm trở nên hiệu quả hơn.

Việc cải thiện và chuẩn hóa hệ thống tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao tính minh bạch, mà còn hỗ trợ người tiêu dùng trong việc chọn lựa sản phẩm an toàn, chất lượng. Tuy nhiên, để đạt được điều này, cần có sự đồng thuận và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Chỉ khi đó, hệ thống TXNG mới thực sự phát huy được vai trò trong việc nâng cao giá trị sản phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng./.

(Yến Hoa)

CHỨNG NHẬN FDA VÀ CÁC TIÊU CHUẨN QUAN TRỌNG TRONG SẢN XUẤT MỸ PHẨM

Trong thế giới mỹ phẩm đang phát triển mạnh mẽ, chất lượng và an toàn sản phẩm đóng vai trò thiết yếu. Các tiêu chuẩn như CGMP - ASEAN, ISO 22716 và chứng nhận FDA không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ quy định mà còn tạo niềm tin cho khách hàng và mở rộng thị trường.



Mỹ phẩm cần đảm bảo tiêu chuẩn trước khi đưa ra thị trường.

Đảm bảo chất lượng với CGMP - ASEAN

CGMP (Cosmetic Good Manufacturing Practices) là một trong những tiêu chuẩn cơ bản trong sản xuất mỹ phẩm, nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn cho sản phẩm. Đây là tập hợp các nguyên tắc và quy định liên quan đến điều kiện, quy trình sản xuất, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị máy móc, và vệ sinh an toàn. Tại Việt Nam, các doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn CGMP - ASEAN sẽ được Bộ Y Tế cấp giấy chứng nhận chất lượng quốc tế. Điều này đòi hỏi họ phải lập hồ sơ kiểm định chất lượng sản phẩm, bảo đảm các quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn nghiêm ngặt.

Tiêu chuẩn ISO 22716:2007 – Định hướng quản lý chất lượng

Tiêu chuẩn ISO 22716:2007, tên đầy đủ là Cosmetics — Good Manufacturing Practices (GMP) — Guidelines on Good Manufacturing Practices, thường được biết đến là Hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt (GMP) cho mỹ phẩm. Tiêu chuẩn ISO 22716 đưa ra các hướng dẫn về việc sản xuất, kiểm soát, lưu trữ và phân phối các sản phẩm mỹ phẩm. Tiêu chuẩn này cũng được sắp xếp để phù hợp với các hệ thống quản lý chất lượng hiện tại như ISO 9001.

Để đạt được tiêu chuẩn ISO 22716, các doanh nghiệp phải đảm bảo mọi quy trình của chuỗi cung ứng mỹ phẩm, tập trung vào sự an toàn và chất lượng của sản phẩm. Việc tuân thủ danh mục các quy định của tiêu chuẩn ISO 22716 chính là cách để kiểm soát chất lượng sản phẩm, cũng như tác động của sản phẩm đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất, chủ sở hữu thương hiệu, nhà cung cấp và chuỗi bán lẻ. Theo hướng dẫn ISO 22716, hệ thống sản xuất của công ty bạn sẽ được kiểm tra và kiểm tra trên các lĩnh vực sau: Khiếu nại và thu hồi; Hợp đồng / hợp đồng thầu phụ; Tài liệu và hồ sơ; Kiểm toán nội bộ và kiểm soát chất lượng phòng thí nghiệm; Quản lý vật liệu; Đóng gói và dán nhãn; Nhân viên; Mặt bằng, tòa nhà hoặc cơ sở; Kiểm soát sản xuất và trong quá trình; Lưu trữ và phân phối.

Chứng nhận FDA – Tấm vé vàng để vào thị trường mỹ

FDA (Food and Drug Administration) là chứng nhận quan trọng trong ngành mỹ phẩm,

đặc biệt khi doanh nghiệp muốn xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Chứng nhận này đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn nghiêm ngặt về chất lượng, an toàn và hiệu quả do FDA quy định.

Để đạt chứng nhận FDA, các sản phẩm mỹ phẩm phải trải qua quy trình kiểm định thành phần, công thức, và quá trình đóng gói rất nghiêm ngặt. Điều này đảm bảo sản phẩm không chứa các thành phần độc hại và an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.

Việc sở hữu chứng nhận FDA không chỉ nâng cao uy tín thương hiệu mà còn mở ra cơ hội lớn để doanh nghiệp tiếp cận một trong những thị trường mỹ phẩm hàng đầu thế giới.

Lựa chọn đối tác tin cậy – yếu tố then chốt

Ngành mỹ phẩm tại Việt Nam đang phát triển nhanh chóng, nhưng để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe như CGMP, ISO 22716 hay FDA, doanh nghiệp gặp không ít khó khăn. Một đối tác đáng tin cậy sẽ giúp các doanh nghiệp rút ngắn thời gian sản xuất, giảm chi phí và chuẩn hóa quy trình đạt chất lượng cao.

Việc tuân thủ các tiêu chuẩn CGMP, ISO 22716 và chứng nhận FDA không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn gia tăng cơ hội cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đây là hướng đi không thể thiếu để xây dựng niềm tin nơi khách hàng và khẳng định vị thế của thương hiệu trong ngành công nghiệp mỹ phẩm toàn cầu./.

(Phạm Trang)

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN GS1- “THƯỚC ĐO” ĐỂ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM

Trong bối cảnh thực phẩm 'bẩn' đang là nỗi lo của toàn xã hội thì việc ứng dụng công nghệ và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như: GS1, ISO 22005 cũng đang trở thành thước đo chung để đánh giá khả năng truy xuất nguồn gốc thực phẩm một cách hiệu quả.

Ông Phó Đức Sơn, Chủ tịch Hội Mã số mã vạch Việt Nam cho biết, giải pháp truy xuất nguồn gốc thông qua mã QR và hệ thống phần mềm được áp dụng xuyên suốt từ khâu sản xuất, chế biến đến tiếp thị và phân phối, đang trở thành một yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ sản phẩm, hàng hóa khỏi vấn nạn hàng giả,

hàng nhái. Một trong những ưu điểm lớn nhất của việc ứng dụng công nghệ trong truy xuất thực phẩm là khả năng cung cấp thông tin minh bạch về nguồn gốc sản phẩm. Hệ thống truy



xuất nguồn gốc sử dụng mã QR, blockchain, RFID hoặc các công nghệ Internet vạn vật (IoT) giúp người tiêu dùng dễ dàng tra cứu thông tin chi tiết về quá trình sản xuất, chế biến, vận chuyển và bảo quản thực phẩm. Điều này không chỉ giúp người tiêu dùng an tâm khi lựa chọn sản phẩm, mà còn tạo ra một môi trường tiêu dùng minh bạch, lành mạnh.

Công nghệ truy xuất nguồn gốc còn giúp phát hiện nhanh chóng các vấn đề liên quan an toàn thực phẩm, như thực phẩm bị nhiễm bẩn, hết hạn sử dụng, hay vi phạm các quy định về chất lượng. Khi phát hiện sự cố, việc thu hồi sản phẩm từ thị trường trở nên nhanh chóng và chính xác hơn, từ đó bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Ông Đinh Văn Hoàng, Viện trưởng Viện Phát triển doanh nghiệp và chính sách cũng nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc tích hợp mã số mã vạch trong các quy trình quản lý chuỗi cung ứng để bảo đảm sự minh bạch và hiệu quả. Trong bối cảnh kinh tế số hiện nay, sự minh bạch và khả năng kiểm chứng nguồn gốc sản phẩm là nền tảng để doanh nghiệp có thể khẳng định chất lượng và bảo vệ thương hiệu của mình.

Bên cạnh ứng dụng công nghệ thì việc áp dụng những tiêu chuẩn quốc tế cũng trở thành thước đo chung để đánh giá khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thực tế hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ đang từng bước hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hỗ trợ việc quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá tại các nhà sản xuất, doanh nghiệp. Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố 20 tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc, trong đó có “TCVN 13274:2020 – Truy xuất nguồn gốc – Hướng dẫn định dạng các mã dùng cho truy vết” nhằm hướng dẫn định dạng các mã dùng cho truy vết trong hệ thống TXNG gốc vật phẩm, hàng hóa dựa trên tiêu chuẩn GS1.

Tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc GS1 là một tổ chức trung lập, hoạt động không vì lợi nhuận, chuyên xây dựng và phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, công nghệ và giải pháp toàn cầu nhằm nâng cao hiệu quả của chuỗi cung cầu bằng cách bổ sung thêm các thông tin hữu ích cho bất kỳ trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ nào. GS1 có hơn 30 năm kinh nghiệm và có mặt trên 150 quốc gia trên thế giới.

Tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc toàn cầu GS1 được GS1 nghiên cứu và xây dựng nhằm mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp hiểu được cách thức, thiết kế và hiện thực các ứng dụng truy xuất nguồn gốc bằng cách sử dụng dữ liệu truy xuất nguồn gốc được tiêu chuẩn hoá. Tiêu chuẩn này còn cung cấp một bộ các tiêu chuẩn đầy đủ theo nguyên tắc định danh, ghi nhận và chia sẻ thông tin về đối tượng xuyên suốt vòng đời của nó. Hệ thống tích hợp các tiêu chuẩn của GS1 chính là nền tảng/cơ sở cho việc phân định và kết nối chính xác các thông tin liên quan đến sản phẩm, tài sản, dịch vụ và địa điểm. Hướng tới đạt được mục đích liên thông giữa các hệ thống khác nhau./.

(*Hồng Anh*)

YÊU CẦU HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG MÁY HÚT BỤI KHÔ THEO TIÊU CHUẨN

Trong đời sống xã hội hiện đại ngày nay rất nhiều gia đình lựa chọn máy hút bụi để giảm áp lực dọn dẹp nhà cửa. Tuy nhiên trên thị trường có rất nhiều loại máy hút bụi khác nhau, thậm chí có những loại máy giá rẻ, không nhãn mác, không đáp ứng những hiệu suất năng lượng theo tiêu chuẩn.



Hiện nay thị trường máy hút bụi rất đa dạng về mẫu mã và giá cả và hiệu suất năng lượng. Theo ghi nhận giá các loại máy hút bụi dao động từ 150 nghìn cho đến vài triệu đồng/máy. Tuy nhiên đối với những loại máy hút bụi giá rẻ thường không có tem nhãn rõ ràng, công suất yếu, nhanh hỏng.

Theo chia sẻ của các chuyên gia điện máy, đối với robot hút bụi mini chúng chỉ là những chiếc xe chạy tự động được gắn thêm giẻ lau hoặc quạt hút. Cấu tạo sản phẩm này rất đơn giản. Phần lớn máy có khay chứa rác nhỏ, máy hút chỉ là những chiếc quạt một chiều. Sản phẩm có thể thu được bụi nhưng khả năng làm sạch kém hiệu quả. Toàn bộ thông số quảng cáo đều được thổi phồng. Ví dụ, mẫu phổ biến có tên Bowai quảng cáo thông số lực hút 1.800 PA nhưng ngay cả những mẫu máy cỡ lớn giá vài triệu đồng cũng chưa đạt được thông số này. Khi dùng thử, Bowai còn thường xuyên bỏ qua rác dưới sàn. Thậm chí không có cảm biến hay radar, robot hút bụi, lau nhà mini sử dụng bánh

xe đa hướng để chuyển hướng khi gặp vật cản, giống như ở xe đồ chơi.

Về cơ chế chuyển động, sản phẩm không có cảm biến tự động tránh chướng ngại vật như quảng cáo, mà chúng sử dụng bánh xe xoay tròn đa hướng, như trên đồ chơi của trẻ con. Nên khi chạm vào bất kỳ vật nào, nó sẽ đổi hướng chứ không di chuyển theo hướng, lịch trình cụ thể và tránh được vật cản như robot xịn. Do đó người tiêu dùng không nên ham rẻ và mù quáng tin vào các video quảng cáo mà không kiểm tra trực tiếp sản phẩm. Để xác thực sản phẩm mình mua mà không có hàng mẫu để kiểm tra, người mua cần phải đọc những ý kiến đánh giá của những người mua khác, hoặc tự lên các trang tìm kiếm để tìm thông tin. Tốt nhất, người mua nên chọn các sản phẩm có thương hiệu và được người tiêu dùng đánh giá cao. Những sản phẩm có hiệu suất năng lượng đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định.

Cụ thể, căn cứ tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13970:2024 Máy hút bụi - Hiệu suất năng lượng do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, yêu cầu hiệu suất năng lượng tối thiểu tiêu thụ năng lượng trong một năm được xác định không được vượt quá 58,0 kWh. Hiệu suất năng lượng được chia thành năm cấp, cấp 5 là cấp có hiệu suất năng lượng cao nhất tương ứng với tiêu thụ năng lượng nhỏ nhất.

Theo đó cấp hiệu suất năng lượng điện năng tiêu thụ trong một năm ở cấp 1 là lớn hơn 52,0 và nhỏ hơn 58kWh/năm; cấp 2 là nhỏ hơn 46,0 và lớn hơn 52; cấp 3 là lớn hơn 40 và nhỏ hơn 46; cấp 4 lớn hơn 34 và nhỏ hơn 40; cấp 5 nhỏ hơn 34,0 kWh/năm.

Điều kiện thử nghiệm áp dụng theo IEC 62885-2:2021. Trong thời gian thử nghiệm, công suất điện và vị trí tương đối của tâm đầu làm sạch với diện tích thử nghiệm phải được đo và ghi lại với tốc độ lấy mẫu thích hợp. Khi kết thúc mỗi chu kỳ làm sạch, đánh giá độ giảm khối lượng của khe hở thử nghiệm./.

(Hà My)

TIÊU CHUẨN ÚC AS ISO 22340 VỀ BẢO MẬT

Nhằm định hình lại cách các tổ chức bảo vệ con người, cơ sở hạ tầng và thông tin của mình, Ủy ban kỹ thuật chuyên gia về An ninh và Khả năng phục hồi của Tiêu chuẩn Úc, MB-025, đã xuất bản tiêu chuẩn AS ISO 22340.



Tiêu chuẩn này giúp Úc nâng cao tình hình an ninh và cung cấp hướng dẫn thực tế rõ ràng cho tất cả các tổ chức để liên tục cải thiện an ninh bảo vệ của mình thông qua các nguyên tắc quản lý rủi ro và các thỏa thuận quản trị được thiết kế để đảm bảo việc thực hiện được phối hợp và phù hợp về mặt chiến lược.

Lợi ích của AS ISO 22340 – Phương pháp tiếp cận phối hợp về bảo mật

AS ISO 22340 dựa trên tiêu chuẩn Quốc tế đầu tiên trên thế giới ISO 22340 cung cấp hướng dẫn về điều phối và tích hợp bảo mật; nói cách khác, nó đặt ra các quy trình và hoạt động chính để bảo vệ tài sản khỏi các hành vi độc hại, tác động của sự cố không chủ ý và các sự kiện khác có thể gây tổn hại.

Nó cung cấp hướng dẫn về cách xây dựng an ninh bảo mật theo cấu trúc được ghi lại, nêu chi tiết các thỏa thuận quản trị và trách nhiệm giải trình cũng như khuôn khổ chính sách, quy trình và thông số kỹ thuật được thiết kế để hỗ trợ các mục tiêu bảo mật của tổ chức.

AS ISO 22340 bao gồm năm lĩnh vực bảo mật: quản trị bảo mật, bảo mật nhân sự, bảo

mật thông tin, an ninh mạng và bảo mật vật lý. Các lĩnh vực này không loại trừ lẫn nhau và khi được quản lý và phối hợp hiệu quả, các tổ chức có thể cải thiện quy trình và kết quả bảo mật của mình. Tiêu chuẩn này thể hiện cách hiểu, lập kế hoạch và ứng phó với các rủi ro bảo mật

trong các lĩnh vực này trên tất cả các khía cạnh, bao gồm con người, cơ sở hạ tầng và thông tin. Điều quan trọng là nó nhằm mục đích tích hợp hiệu quả với các tiêu chuẩn được áp dụng rộng rãi như ISO/IEC 270012 và AS 48113.

Để giúp quản lý các lĩnh vực này một cách hiệu quả, chúng dựa trên các nguyên tắc:

- Bảo mật là trách nhiệm của mọi người.
- Bảo mật cho phép kinh doanh.
- Quản lý an ninh dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro.

• Ban quản lý cấp cao chịu trách nhiệm về bảo mật của tổ chức.

• Bảo mật được tích hợp vào tất cả các cấp độ hoạt động của tổ chức.

• Bảo mật được cung cấp trong vòng đời cải tiến liên tục.

Khung để cải thiện bảo mật liên tục

Tiêu chuẩn này cung cấp một khuôn khổ để cải tiến liên tục các hệ thống bảo mật. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thường xuyên đánh giá và nâng cao mức độ trưởng thành của an ninh.

Các tổ chức có thể sử dụng khuôn khổ này để đánh giá tình trạng bảo mật của mình và xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Điều này giúp trang bị cho các tổ chức khả năng thích ứng với các mối đe dọa và môi trường bảo mật đang thay đổi, thúc đẩy văn hóa cải tiến liên tục. Tính nhất quán với Khung chính sách bảo mật bảo vệ

AS ISO 22340 được liên kết chặt chẽ với các nguyên tắc và quy trình của Khung chính sách bảo mật an ninh (PSPF) của Chính phủ Úc,

nhằm giải quyết các yêu cầu bảo mật trên các lĩnh vực chính, chẳng hạn như nhân sự, thông tin (bao gồm cả mạng) và an ninh vật lý cũng như các thỏa thuận quản trị phù hợp với từng lĩnh vực phù hợp với lợi ích của tổ chức.

Tương tự, các nguyên tắc được nêu trong AS ISO 22340 nhằm mục đích hỗ trợ tất cả các tổ chức bất kể lĩnh vực nào bằng cách tăng cường khả năng phục hồi của họ và giải quyết một loạt các mối đe dọa và rủi ro./.

(Phạm Trang)

ẤN ĐỘ KHỞI XƯƠNG ĐIỀU TRA NHIỀU SẢN PHẨM TỪ VIỆT NAM

Ấn Độ vừa tiến hành khởi xướng điều tra chống trợ cấp, chống bán phá giá và tự vệ đối với một số mặt hàng có liên quan đến Trung Quốc, Việt Nam hoặc từ Việt Nam.

Điều tra chống trợ cấp đối với mặt hàng calcium carbonate filler masterbatch

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) đã ra thông báo khởi xướng điều tra chống trợ cấp (CTC) đối với mặt hàng calcium carbonate filler masterbatch có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Việt Nam. Vụ việc được khởi xướng trên cơ sở hồ sơ đề nghị của ngành sản xuất nội địa Ấn Độ, đại diện là Hiệp hội các nhà sản xuất hợp chất và masterbatch Ấn Độ và Hiệp hội các nhà sản xuất Masterbatch Ấn Độ.

Trước đó, ngày 30 tháng 9 năm 2024, DGTR đã ra thông báo khởi xướng điều tra chống bán phá giá (CBPG) đối với mặt hàng calcium carbonate filler masterbatch nêu trên có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Việt Nam.



Điều tra chống bán phá giá đối với sợi nylon filament yarn

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) đã khởi xướng vụ việc điều tra chống bán phá giá (CBPG) đối với sợi nylon filament yarn có xuất xứ hoặc xuất khẩu từ Trung Quốc, Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Sản phẩm bị điều tra: sợi nylon filament yarn có các mã HS: 54021910; 54021990; 54023100; 54023200; 54024500; 54025100; 54026100 và 54021920 (Mã HS chỉ mang tính chất tham khảo, chi tiết mô tả sản phẩm xem trong thông báo khởi xướng).

- Nguyên đơn: Công ty Century Enka Private Limited, Gujarat Polyfilms Private Limited, Oriilon India Private Limited.

- Thời kỳ điều tra: (i) thời kỳ điều tra bán phá giá (POI): 01/04/2023 đến 30/6/2024 (15 tháng); (ii) thời kỳ điều tra thiệt hại: 01/4/2020-31/3/2021, 01/4/2021-31/3/2022, 01/4/2022-31/3/2023 và POI.

- Mã phân loại sản phẩm (PCN): Nguyên đơn chưa đề xuất các PCN làm cơ sở so sánh giá. DGTR đề nghị các bên liên quan đề xuất, bình luận về phạm vi sản phẩm và mã PCN trong vòng 15 ngày kể từ ngày khởi xướng, tức muộn nhất là ngày 09 tháng 01 năm 2025.

Điều tra tự vệ đối với mặt hàng thép cán phẳng hợp kim và không hợp kim

Mới đây, Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) đã ra thông báo khởi xướng điều tra tự vệ đối với mặt hàng thép cán phẳng hợp kim hoặc không hợp kim (Non-alloy and alloy steel flat products) nhập khẩu vào Ấn Độ. Vụ việc được khởi xướng trên cơ sở hồ sơ đề nghị của Hiệp hội Thép Ấn Độ đại diện cho nhiều doanh nghiệp thép lớn của Ấn Độ như Arcelor Mittal Nippon Steel, AMNS Khopoli, Jindal Steel and Power, Steel Authority of India.... Một số thông tin vụ việc như sau:

Sản phẩm bị điều tra: thép hợp kim hoặc không hợp kim cán phẳng (Non alloy and alloy steel flat products) thuộc mã HS: 7208, 7209, 7210, 7211, 7225, 7226 (mã HS chỉ có tính chất tham khảo, xin xem mô tả chi tiết sản phẩm

trong thông báo gửi kèm theo dưới đây). Phạm vi sản phẩm bị điều tra bao gồm các sản phẩm thép cán nóng, thép cán nguội, thép phủ kim loại chống ăn mòn (bao gồm tôn thép mạ kẽm, mạ lạnh, mạ hợp kim kẽm – magie) và thép phủ màu.

Các sản phẩm thép được loại trừ khỏi phạm vi điều tra gồm: Thép điện định hướng hạt cán nguội (cold rolled grain oriented electrical steel), thép cuộn/tấm không định

hướng hạt cán nguội (cold rolled grain non-oriented electrical steel coil and sheet), thép mạ điện (coated-electro galvanized steel), thép lá mạ thiếc (tinplate), thép không gỉ (stainless steel).

Nguyên đơn cáo buộc rằng sản phẩm bị điều tra nhập khẩu vào Ấn Độ với khối lượng gia tăng nhanh, mạnh và đột biến, là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa Ấn Độ./.

CHÍNH PHỦ BAN HÀNH KẾ HOẠCH ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn đã ký Quyết định 1703/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo (Kế hoạch).



Mục đích của Kế hoạch nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các bộ, ngành, địa phương và người dân về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Tổ chức định kỳ diễn đàn đối thoại về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền các cấp tập trung

tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại trung ương và địa phương, nâng cao ý thức tự giác chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Tổ chức định kỳ diễn đàn đối thoại với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các chương trình bồi dưỡng, vai trò, ý nghĩa của việc sản xuất, phân phối, tiêu dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng.

Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống, chính sách pháp luật, văn bản quản lý về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Xây dựng, nâng cấp và đưa vào sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác nhằm cung cấp thông tin công khai, minh bạch, phục vụ nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và chia sẻ thông tin

giữa các cơ quan quản lý của Việt Nam với cơ sở dữ liệu của tổ chức quốc tế, các quốc gia khác.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Kế hoạch nêu rõ, xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, phổ cập kiến thức về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và đưa vào giảng dạy tại một số cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp nghề theo quy định của pháp luật.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu ngành, các nhóm chuyên gia có uy tín đạt trình độ quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, xuất khẩu nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Tăng cường kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Theo Kế hoạch, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền các cấp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sản xuất, xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại các bộ, ngành, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước. Kịp thời thực hiện các hoạt động khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; có biện pháp phù hợp, bảo mật thông tin về nhân thân để bảo vệ người tố giác hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Trước đó, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 38-CT/TW về "Đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo".

Toàn văn Chỉ thị số 38-CT/TW như sau:

Trong những năm qua, công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã có bước phát triển, đạt nhiều kết quả quan trọng. Một số trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đạt chuẩn quốc tế. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bước đầu góp phần thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng kỹ thuật quan trọng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, của các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là công cụ quản lý nhà nước có đóng góp ngày càng quan trọng vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, người tiêu dùng; bảo đảm công bằng và an sinh xã hội.

Tuy nhiên, hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, còn một số hạn chế, yếu kém, đặc biệt là: Nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người tiêu dùng về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng chưa đầy đủ, toàn diện, chưa thực sự quan tâm đến công tác này; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách đối với tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng chưa phù hợp với thực tiễn hội nhập quốc tế hiện nay; năng lực quản lý nhà nước, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực tham gia hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng còn nhiều hạn chế; chưa tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hoá sản xuất tại Việt Nam đáp ứng được các tiêu chuẩn, chất lượng khắt khe của thị trường quốc tế.

Công tác đầu tư và phát triển các tổ chức kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng còn thiếu quy hoạch, định hướng, không đồng bộ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và phối hợp của các bộ, ngành, địa

phương chưa đồng bộ, thống nhất, các biện pháp xử lý vi phạm chưa đủ mạnh.

Để tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đến năm 2030 và những năm tiếp theo, góp phần thực hiện mục tiêu trở thành nước có công nghiệp hiện đại theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và phát triển đất nước, trong đời sống xã hội; về ý nghĩa của việc sản xuất, tiêu dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng; nâng cao ý thức tự giác chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

2. Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, hội nhập quốc tế dựa trên các nền tảng hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Chuyển hình thức kiểm soát đối tượng, công đoạn cụ thể sang quản lý chuỗi sản phẩm, từ khâu nghiên cứu tiền sản xuất, tổ chức sản xuất đến tổ chức phân phối, lưu thông, tiêu dùng và xuất khẩu sản phẩm, hàng hoá mang thương hiệu Việt Nam.

Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, tạo nền tảng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các mục tiêu phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, dẫn dắt quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội

nhập quốc tế; nâng cao mức độ hài hoà tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ các mục tiêu phát triển đất nước trong từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, chuẩn đo lường chính của các bộ, ngành, địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động cơ quan tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng chỉ một đầu mối cấp quốc gia để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Phát triển các tổ chức công nhận quốc gia, tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quốc gia, tổ chức năng suất quốc gia để thực hiện cơ chế trọng tài phục vụ công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước, đáp ứng yêu cầu và thông lệ quốc tế.

3. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bảo đảm số lượng và chất lượng. Đưa đào tạo nhân lực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào một số cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp nghề. Đầu tư, nâng cấp cơ sở đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, chú trọng hình thành và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, các nhóm chuyên gia có uy tín đạt trình độ quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, xuất khẩu nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ tương xứng với vị trí, vai trò. Quy hoạch và thực hiện đúng quy hoạch phát triển các trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo

lường, chất lượng trong toàn quốc. Xây dựng ít nhất một trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở mỗi vùng kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở từng vùng. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực đối với trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng 3 khu vực Bắc, Trung, Nam; hiện đại hoá hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; xây dựng một số trung tâm kiểm định đạt chuẩn quốc tế.

Đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong các ngành, lĩnh vực để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Quan tâm đầu tư nguồn lực cho hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng lĩnh vực quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về "đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo".

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bảo đảm an toàn của sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường. Phối hợp xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Kịp thời khen thưởng và có biện pháp phù hợp để bảo vệ người tố giác hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

6. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tuân thủ các điều ước, các thoả thuận quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia. Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hợp tác đào tạo; cập nhật kịp thời các tiêu chuẩn, công nghệ mới, nhất là với các quốc gia có năng lực kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tiên tiến. Tăng cường sự tham gia vào các tổ chức quốc tế; nâng tỉ lệ hài hoà của tiêu chuẩn quốc gia với

tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

7. Tổ chức thực hiện

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Chỉ thị tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan, tổ chức, cơ sở hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; đưa nội dung công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào trong kế hoạch phát triển kinh tế của ngành, địa phương.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện và giám sát thực hiện Chỉ thị; bảo đảm ngân sách nhà nước cho việc phát triển và nâng cao hiệu quả công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị; rà soát, hoàn thiện các văn bản dưới luật, cơ chế, chính sách về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện; tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong việc thực hiện Chỉ thị.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện Chỉ thị.

- Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền Chỉ thị.

- Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chỉ thị; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Chỉ thị./.

(Yến Hoa)

TCVN 13989:2024 - YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG DƯỢC MỸ PHẨM ĐỂ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm để truy xuất nguồn gốc. Các bên tham gia chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm bao gồm: Nhà sản xuất nguyên liệu thô/thành phần hoạt chất dược mỹ phẩm; Nhà sản xuất dược mỹ phẩm; Nhà phân phối, nhà bán buôn và nhà bán lẻ.



Hiện nay, việc áp dụng tiêu chuẩn đối với dược mỹ phẩm, chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm,... nhằm đảm bảo sự minh bạch về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng là nhu cầu thực tế từ cuộc sống.

Theo đó, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13989:2024 về truy xuất nguồn gốc – yêu cầu chung đối với chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm do Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/GS1 Mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm để truy xuất nguồn gốc. Các bên tham gia chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm bao gồm: Nhà sản xuất nguyên liệu thô/thành phần hoạt chất dược mỹ phẩm; Nhà sản xuất dược mỹ phẩm; Nhà phân phối, nhà bán buôn và nhà bán lẻ.

Về nguyên tắc chung, doanh nghiệp, tổ chức phải đáp ứng yêu cầu chung quy định

trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12850:2019 về Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc, bao gồm yêu cầu về hệ thống truy xuất nguồn gốc và yêu cầu về dữ liệu truy xuất nguồn gốc.

Bên cạnh đó, truy xuất nguồn gốc bên ngoài và truy xuất nguồn gốc nội bộ là cần thiết để đáp ứng khả năng truy xuất toàn bộ chuỗi cung ứng. Truy xuất nguồn gốc nội bộ được chính tổ chức thực hiện. Truy xuất nguồn gốc bên ngoài giữa các đối tác thương mại, yêu cầu một cách thức chung và một số thỏa thuận trước về cách truy vết và truy xuất.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm phải định danh đơn nhất vật phẩm có thể truy xuất, các bên và địa điểm. Mã truy vết vật phẩm phải được truyền tải trong các tài liệu thương mại có liên quan.

Giữa các đối tác thương mại phải có sự thống nhất về vật phẩm truy xuất, nguyên tắc mã hóa, trách nhiệm ghi nhận và lưu giữ thông tin. Các đối tác thương mại phải xác định ít nhất một cấp độ vật phẩm truy xuất cho từng chuyển hàng.

TCVN 13989:2024 cũng đưa ra yêu cầu thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc, bao gồm: Yêu cầu về phạm vi; Yêu cầu về triển khai; Yêu cầu về Dữ liệu truy xuất nguồn gốc. Trong đó, hệ thống truy xuất nguồn gốc phải bao trùm được chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm tối thiểu bắt đầu từ nguyên liệu thô tới nhà sản xuất, thông qua nhà phân phối / nhà bán buôn và nhà bán lẻ tới người tiêu dùng.

Ngoài ra, theo TCVN 13989:2024, các bên tham gia cũng cần phải đáp ứng yêu cầu, bao gồm: Yêu cầu đối với nhà cung cấp nguyên vật liệu; Yêu cầu đối với nhà sản xuất; Yêu cầu đối với nhà bán buôn/nhà phân phối; Yêu cầu đối với nhà bán lẻ./.

(Trần Thúy)

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 12/2024

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**TCVN 13239-1:2024**

Công nghệ thông tin. Kiến trúc tham chiếu dữ liệu lớn. Phần 1: Khung và quy trình ứng dụng
Số trang:22

TCVN 13239-4:2024

Công nghệ thông tin. Kiến trúc tham chiếu dữ liệu lớn. Phần 4: Bảo mật và quyền riêng tư
Số trang:77

TCVN 14143-1:2024

Giống cá nước mặn. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 1: Cá dìa (*Siganus guttatus* Bloch, 1787)
Số trang:16

TCVN 14143-2:2024

Giống cá nước mặn - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 2: Cá bống bớp (*Bostrichthys sinensis* Lacépède, 1801)
Số trang:16

TCVN 14144-1:2024

Giống động vật lưỡng cư. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 1:Ếch
Số trang:12

TCVN 14145:2024

Giống sá sùng (*Sipunculus nudus* Linnaeus, 1767) - Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:11

TCVN 14146-1:2024

Giống động vật da gai - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Hải sâm cát (*Holothuria scabra* Jaeger, 1833)
Số trang:11

TCVN 14149:2024

Công trình thủy lợi. Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu khoan vệt vữa vào nền đất để chống thấm
Số trang:43

TCVN 14163:2024

Thiết bị khai thác thủy sản. Phân loại
Số trang:19

TCVN 14164:2024

Thiết bị khai thác thủy sản. Lưới vây cá cơm. Thông số kích thước cơ bản
Số trang:17

TCVN 14165:2024

Thiết bị khai thác thủy sản. Lưới màn. Thông số kích thước cơ bản
Số trang:32

TCVN 14199-1:2024

Trí tuệ nhân tạo. Quy trình vòng đời và yêu cầu chất lượng. Phần 1: Mô hình META chất lượng
Số trang:29

TCVN 14199-2:2024

Trí tuệ nhân tạo. Quy trình vòng đời và yêu cầu chất lượng. Phần 2: Độ bền vững
Số trang:48

TCVN 14202:2024

Nút IPv6. Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:37

TCVN 8731:2024

Công trình thủy lợi. Xác định hệ số thấm của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào, đổ nước và mức nước trong hố khoan
Số trang:29

Thay thế:TCVN 8731:2012

TIÊU CHUẨN ISO**ISO 25539-3:2024**

Cardiovascular implants — Endovascular devices Part 3: Vena cava filters
Pages: 99

Replaces: ISO 25539-3:2011

ISO 25554:2024

Ageing societies — Guidelines for promoting wellbeing in communities
Pages: 19

ISO 25649-1:2024

Floating leisure articles for use on and in the waterPart 1: Classification, materials, general requirements and test methods
Pages: 34

Replaces: ISO 25649-1:2017

ISO 25649-2:2024

Floating leisure articles for use on and in the waterPart 2: Consumer information
Pages: 22

Replaces: ISO 25649-2:2017

ISO 25649-3:2024

Floating leisure articles for use on and in the waterPart 3: Additional specific safety requirements and test methods for Class A devices
Pages: 16

Replaces: ISO 25649-3:2017

ISO 25649-4:2024

Floating leisure articles for use on and in the waterPart 4: Additional specific safety requirements and test methods for Class B devices
Pages: 25

Replaces: ISO 25649-4:2017

ISO 25649-5:2024

Floating leisure articles for use on and in the waterPart 5: Additional specific safety requirements and test methods for Class C devices
Pages: 28

Replaces: ISO 25649-5:2017

ISO 25649-6:2024

Floating leisure articles for use on and in the waterPart 6:

Additional specific safety requirements and test methods for Class D devices Pages: 34 Replaces: ISO 25649-6:2017 ISO 25649-7:2024 Floating leisure articles for use on and in the waterPart 7: Additional specific safety requirements and test methods for Class E devices Pages: 25 Replaces: ISO 25649-7:2017 ISO 27548:2024 Additive manufacturing of plastics — Environment, health, and safety — Test method for determination of particle and chemical emission rates from desktop material extrusion 3D printer Pages: 25 ISO 27729:2024 Information and documentation — International standard name identifier (ISNI) Pages: 12 Replaces: ISO 27729:2012/Cor 1:2013 ISO 28560-3:2024 Information and documentation — RFID in librariesPart 3: Fixed length encoding Pages: 25 Replaces: ISO 28560-3:2023 ISO 29461-3:2024 Information and documentation — RFID in libraries Part 3: Fixed length encoding Pages: 20 ISO 29464:2024 Sensory analysis — Methodology — Balanced incomplete block designs Pages: 19 Replaces: ISO 29842:2011/Amd 1:2015 ISO 29842:2024 Sensory analysis — Methodology — Balanced incomplete block designs Pages: 19 Replaces: ISO 29842:2011/Amd 1:2015 ISO 30005:2024 Ships and marine technology — Ship recycling management — Information control for hazardous materials in the manufacturing chain of shipbuilding and ship operations Pages: 33 Replaces: ISO 30005:2012 ISO 31031:2024 Managing risk for youth and school trips Pages: 47 ISO 31511:2024 Requirements for contactless delivery services in cold chain logistics Pages: 11 ISO 3379:2024 Leather — Determination of distension and strength of surface (ball burst method) Pages: 6 Replaces: ISO 3379:2015 ISO 37111:2024 Sustainable cities and communities — Urban settlements — Guidance for a flexible approach to phased implementation of ISO 37101 Pages: 32 ISO 37125:2024 Sustainable cities and communities — Environmental, social and governance (ESG) indicators for cities Pages: 92 ISO 374-1:2024 Protective gloves against dangerous chemicals and micro-organismsPart 1: Terminology and performance requirements for chemical risks Pages: 10 Replaces: ISO 374-1:2016/Amd 1:2018 ISO 374-5:2024 Protective gloves against dangerous chemicals and micro-organismsPart 5: Terminology and performance requirements for micro-organisms risks Pages: 5 Replaces: ISO 374-5:2016 ISO 4266-3:2024 Petroleum and liquid petroleum products — Measurement of level and temperature in storage tanks by automatic methodsPart 3: Measurement of level in pressurized storage tanks (non-refrigerated) Pages: 16 Replaces: ISO 4266-3:2002 ISO 4266-6:2024 Petroleum and liquid petroleum products — Measurement of level and temperature in storage tanks by automatic methodsPart 6: Measurement of temperature in pressurized storage tanks (non-refrigerated) Pages: 22 ISO 4628-3:2024 Paints and varnishes — Evaluation of quantity and size of defects, and of intensity of uniform changes in appearance

Part 3: Assessment of degree of rusting Pages: 22 Replaces: ISO 4628-3:2016	ISO 55001:2024 Asset management — Asset management system — Requirements Pages: 18 Replaces: ISO 55001:2014	cultural heritage — Principles and methodology for interventions Pages: 52
ISO 4891:2024 Ships and marine technology — Interoperability of smart applications for ships Pages: 130	ISO 55012:2024 Asset management — Guidance on people involvement and competence Pages: 12	ISO 59014:2024 Environmental management and circular economy — Sustainability and traceability of the recovery of secondary materials — Principles, requirements and guidance Pages: 28 Replaces: IWA 19:2017
ISO 4892-1:2024 Plastics — Methods of exposure to laboratory light sources Part 1: General guidance and requirements Pages: 28 Replaces: ISO 4892-1:2016	ISO 55013:2024 Asset management — Guidance on the management of data assets Pages: 20	ISO 5910:2024 Cardiovascular implants and extracorporeal systems — Cardiac valve repair devices Pages: 99 Replaces: ISO 5910:2018
ISO 4892-3:2024 Plastics — Methods of exposure to laboratory light sources Part 3: Fluorescent UV lamps Pages: 19	ISO 5637:2024 Paper and board — Determination of water absorption after immersion in water Pages: 10 Replaces: ISO 5637:1989	ISO 6531:2024 Machinery for forestry — Portable chain-saws — Vocabulary Pages: 11 Replaces: ISO 6531:2017
ISO 4962:2024 Nanotechnologies — In vitro acute nanoparticle phototoxicity assay Pages: 22	ISO 5686-1:2024 Polygonal turret interface with flat contact surface Part 1: Shanks of type F, H and A Pages: 50	ISO 6559:2024 Traditional Chinese medicine — Sterile three-edge needle for single use Pages: 9
ISO 5132:2024 Animal and vegetable fats and oils — High-performance liquid chromatography (HPLC) analysis of phenolic antioxidants Pages: 14	ISO 5686-2:2024 Polygonal turret interface with flat contact surface Part 2: Receivers of type F, H, A and X for shanks of type F, H and A Pages: 51	ISO 6583:2024 Methanol as a fuel for marine applications — General requirements and specifications Pages: 11
ISO 5409:2024 Stationary source emissions — Chemical absorption method for sampling and determining mercury species in flue gas Pages: 37	ISO 5686-3:2024 Polygonal turret interface with flat contact surface Part 3: Coupling for driven tool holders with shanks of type F and A Pages: 6	ISO 6944-1:2024 Fire containment — Elements of building construction Part 1: Ventilation ducts Pages: 31 Replaces: ISO 6944-1:2008/Amd 1:2015
ISO 55000:2024 Asset management — Vocabulary, overview and principles Pages: 13 Replaces: ISO 55000:2014	ISO 5727:2024 Accessibility and usability of the built environment — Accessibility of immovable	ISO 7054:2024 Corrosion of metals and alloys — Wiping method for

<p>measurements of gases and particles on real structures and equipment Pages: 17 ISO 7061:2024 Ships and marine technology — Aluminium shore gangways for seagoing vessels Pages: 12 Replaces: ISO 7061:2015 ISO 7301:2021/Amd 1:2024 Rice — Specification Amendment 1 Pages: 1 ISO 7544:2024 Rolling bearings — Test and assessment methods for cleanliness Pages: 24 ISO 7567:2024 Bamboo structures — Glued laminated bamboo — Product specifications Pages: 16 ISO 8100-7:2024 Lifts for the transport of persons and goods Part 7: Accessibility to lifts for persons including persons with disability Pages: 25 ISO 8103-1:2024 Escalators and moving walks Part 1: Safety requirements Pages: 97 ISO 899-2:2024 Plastics — Determination of creep behaviour Part 2: Flexural creep by three-point loading Pages: 16 Replaces: ISO 899-2:2003/Amd 1:2015 ISO 9241-920:2024</p>	<p>Ergonomics of human-system interaction Part 920: Tactile and haptic interactions Pages: 26 Replaces: ISO 9241-920:2009 ISO 9607-1:2024 Paints and varnishes — Protective coatings for concrete structures Part 1: General introduction Pages: 6 ISO 965-2:2024 ISO general purpose metric screw threads — Tolerances Part 2: Limits of sizes for internal and external threads (tolerance classes 6H and 6g for M1,6 to M100 and 5H and 6h for M1 to M1,4) Pages: 7 Replaces: ISO 965-2:1998/Amd 1:2021 ISO 9717:2024 Metallic and other inorganic coatings — Phosphate conversion coating of metals Pages: 13 Replaces: ISO 9717:2017 ISO 9784:2024 Guidelines for biological filtration of secondary effluent for water reuse Pages: 17 ISO 9812:2024 Corrosion of metals and alloys — Corrosion test method for disinfectant — Spray test method Pages: 8 ISO 9842:2024 Essential oil of rose (Rosa x damascena Miller) Pages: 8 Replaces: ISO 9842:2003</p>	<p>ISO/ASTM 52904:2024 Additive manufacturing of metals — Process characteristics and performance — Metal powder bed fusion process to meet critical applications Pages: 15 Replaces: ISO/ASTM 52904:2019 ISO/ASTM 52967:2024 Additive manufacturing for aerospace — General principles Part classifications for additive manufactured parts used in aviation Pages: 11 ISO/CIE 10916:2024 Light and lighting — Energy performance of lighting in buildings — Calculation of the impact of daylight utilization Pages: 97 Replaces: ISO 10916:2014 ISO/CIE 11664-5:2024 Part 5: CIE 1976 $L^*u^*v^*$ colour space and u', v' uniform chromaticity scale diagram Pages: 8 Replaces: ISO/CIE 11664-5:2016 ISO/CIE 23603:2024 Standard method of assessing the spectral quality of daylight simulators for visual appraisal and measurement of colour Pages: 19 ISO/CIE 28077:2024 Photocarcinogenesis action spectrum (non-melanoma skin cancers) Pages: 9 Replaces: ISO/CIE 28077:2016 ISO/IEC 14496-15:2024</p>
--	--	--

<p>Information technology — Coding of audio-visual objects Part 15: Carriage of network abstraction layer (NAL) unit structured video in the ISO base media file format Pages: 235 Replaces: ISO/IEC 14496-15:2022 ISO/IEC 14496-26:2024</p> <p>Information technology — Coding of audio-visual objects Part 26: Audio conformance Pages: 235 ISO/IEC 14882:2024</p> <p>Programming languages — C++ Pages: 2104 Replaces: ISO/IEC 14882:2020 ISO/IEC 14888-4:2024</p> <p>Information security — Digital signatures with appendix Part 4: Stateful hash-based mechanisms Pages: 56 ISO/IEC 15045-3-2:2024</p> <p>Information technology — Home Electronic System (HES) gateway Part 3-2: Privacy, security, and safety — Privacy framework Pages: 22 ISO/IEC 15067-3-51:2024</p> <p>Information technology — Home Electronic System (HES) application model Part 3-51: Framework of a narrow AI engine for a premises energy management system using energy management agents Pages: 22 ISO/IEC 15444-1:2024</p>	<p>Information technology — JPEG 2000 image coding system Part 1: Core coding system Pages: 226 Replaces: ISO/IEC 15444-1:2019 ISO/IEC 17917:2024</p> <p>Smart cities — Guidance to establishing a decision-making framework for sharing data and information services Pages: 46 ISO/IEC 18014-2:2021/Cor 1:2024</p> <p>Information security — Time-stamping services — Part 2: Mechanisms producing independent tokens Technical Corrigendum 1 Pages: 1 ISO/IEC 19075-10:2024</p> <p>Information technology — Guidance for the use of database language SQL Part 10: SQL model (Guide/Model) Pages: 58 ISO/IEC 19788-1:2024</p> <p>Information technology for learning, education and training — Metadata for learning resources Part 1: Framework Pages: 79 Replaces: ISO/IEC 19788-1:2011 ISO/IEC 19795-10:2024</p> <p>Information technology — Biometric performance testing and reporting Part 10: Quantifying biometric system performance variation across demographic groups Pages: 24 ISO/IEC 20000-1:2018/Amd 1:2024</p>	<p>Information technology — Service management — Part 1: Service management system requirements Amendment 1: Climate action changes Pages: 1 ISO/IEC 20248:2022/Amd 1:2024</p> <p>Information technology — Automatic identification and data capture techniques — Digital signature data structure schema Amendment 1: Domain authority identifier (DAID) specification for the GS1 legal entity identifier and encoding clarifications Pages: 2 ISO/IEC 21794-5:2024</p> <p>Information technology — Plenoptic image coding system (JPEG Pleno) Part 5: Holography Pages: 65 ISO/IEC 23001-11:2023/Amd 1:2024</p> <p>Information technology — MPEG systems technologies — Part 11: Energy-efficient media consumption (green metadata) Amendment 1: Energy-efficient media consumption (green metadata) for EVC Pages: 5 ISO/IEC 23002-7:2024</p> <p>Information technology — MPEG video technologies Part 7: Versatile supplemental enhancement information messages for coded video bitstreams Pages: 148 Replaces: ISO/IEC 23002-7:2022 ISO/IEC 23090-15:2024</p>
---	--	--

Information technology —
Coded representation of
immersive mediaPart 15:
Conformance testing for
versatile video coding
Pages: 90

Replaces: ISO/IEC 23090-
15:2022

ISO/IEC 23773-1:2024

Information technology — User
interfaces for automatic
simultaneous interpretation
systemsPart 1: General
Pages: 7

ISO/IEC 23773-2:2024

Information technology — User
interfaces for automatic
simultaneous interpretation
systemsPart 2: Requirements
and functional description
Pages: 6

ISO/IEC 23773-3:2024

Information technology — User
interfaces for automatic
simultaneous interpretation
systemsPart 3: System
architecture
Pages: 12

ISO/IEC 24772-1:2024

Programming languages —
Avoiding vulnerabilities in
programming languagesPart 1:
Language-independent
catalogue of vulnerabilities
Pages: 153

Replaces: ISO/IEC TR 24772-
1:2019

ISO/IEC 26131:2024

Information technology —
OpenID connect — OpenID
connect core 1.0 incorporating
errata set 2
Pages: 146

ISO/IEC 26132:2024

Information technology —
OpenID connect — OpenID
connect discovery 1.0
incorporating errata set 2
Pages: 29

ISO/IEC 26133:2024

Information technology —
OpenID connect — OpenID
connect dynamic client
registration 1.0 incorporating
errata set 2
Pages: 31

ISO/IEC 26134:2024

Information technology —
OpenID connect — OpenID
connect RP-initiated logout 1.0
Pages: 10

ISO/IEC 26135:2024

Information technology —
OpenID connect — OpenID
connect session management
1.0
Pages: 12

ISO/IEC 26136:2024

Information technology —
OpenID connect — OpenID
connect front-channel logout
1.0
Pages: 10

ISO/IEC 26137:2024

Information technology —
OpenID connect — OpenID
connect back-channel logout 1.0
incorporating errata set 1
Pages: 17

ISO/IEC 26138:2024

Information technology —
OpenID connect — OAuth 2.0
multiple response type
encoding practices
Pages: 11

ISO/IEC 26139:2024

Information technology —
OpenID connect — OAuth 2.0
form post response mode
Pages: 5

Pages: 5

TIÊU CHUẨN IEC

IEC 60050-428:2024

International Electrotechnical
Vocabulary (IEV) - Part 428:
Safety of machinery
Pages: 124

IEC 60079-7:2024 PRV

Explosive atmospheres - Part 7:
Equipment protection by
increased safety "e"
Pages: 135

Replaces: IEC 60079-7:2006

IEC 60331-4:2024

Tests for electric cables under
fire conditions – Circuit
integrity – Part 4: Test method
for fire with shock at a
temperature of at least 830 °C
for cables of rated voltage
higher than 1 kV up to and
including 30 kV
Pages: 29

Pages: 29

IEC 60335-2-40:2024 CMV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-40:
Particular requirements for
electrical heat pumps, air-
conditioners and dehumidifiers
Pages: 471

IEC 60335-2-40:2024 EXV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-40:
Particular requirements for
electrical heat pumps, air-
conditioners and dehumidifiers
Pages: 644

IEC 60335-2-40:2024

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-40:
Particular requirements for
electrical heat pumps, air-
conditioners and dehumidifiers
Pages: 308

<p>IEC 60335-2-75:2024 CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-75: Particular requirements for commercial dispensing appliances and vending machines</p>	<p>electrical equipment - Devices for protection for safety, isolation, switching, control and monitoring Pages: 182</p>	<p>electrical installations - Part 1: General requirements Pages: 215</p>
<p>IEC 60335-2-75:2024 EXV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-75: Particular requirements for commercial dispensing appliances and vending machines</p>	<p>IEC 60364-5-53:2019/AMD2:2024 Amendment 2 - Low-voltage electrical installations - Part 5-53: Selection and erection of electrical equipment - Devices for protection for safety, isolation, switching, control and monitoring Pages: 13</p>	<p>IEC 60670-1:2024 Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 1: General requirements Pages: 140</p>
<p>IEC 60335-2-75:2024 Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-75: Particular requirements for commercial dispensing appliances and vending machines</p>	<p>IEC 60601-2-39:2024 Medical electrical equipment - Part 2-39: Particular requirements for the basic safety and essential performance of peritoneal dialysis equipment Pages: 112</p>	<p>IEC 60670-21:2024 RLV Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 21: Particular requirements for boxes and enclosures with provision for suspension means Pages: 41</p>
<p>IEC 60364-4-44:2024 RLV Low-voltage electrical installations - Part 4-44: Protection for safety - Protection against voltage disturbances and electromagnetic disturbances</p>	<p>IEC 60601-2-40:2024 RLV Medical electrical equipment - Part 2-40: Particular requirements for the basic safety and essential performance of electromyographs and evoked response equipment Pages: 94</p>	<p>IEC 60670-21:2024 EXV Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 21: Particular requirements for boxes and enclosures with provision for suspension means Pages: 99</p>
<p>IEC 60364-4-44:2024 Low-voltage electrical installations - Part 4-44: Protection for safety - Protection against voltage disturbances and electromagnetic disturbances</p>	<p>IEC 60601-2-40:2024 Medical electrical equipment - Part 2-40: Particular requirements for the basic safety and essential performance of electromyographs and evoked response equipment Pages: 62</p>	<p>IEC 60670-21:2024 Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 21: Particular requirements for boxes and enclosures with provision for suspension means Pages: 25</p>
<p>IEC 60364-5-53:2019+AMD1:2020+AMD2:2024 CSV Low-voltage electrical installations - Part 5-53: Selection and erection of</p>	<p>IEC 60670-1:2024 RLV Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed</p>	<p>Replaces: IEC 60670-21:2004+AMD1:2016 CSV IEC 60670-22:2024 RLV Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 22: Particular requirements for</p>

connecting boxes and enclosures Pages: 79 IEC 60670-22:2024 EXV Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 22: Particular requirements for connecting boxes and enclosures Pages: 140 IEC 60670-1:2024 RLV Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 1: General requirements Pages: 215 IEC 60670-22:2024 Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 22: Particular requirements for connecting boxes and enclosures Pages: 53 IEC 60670-24:2024 EXV Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 24: Particular requirements for enclosures for housing protective devices and other power dissipating electrical equipment Pages: 193 IEC 60670-24:2024 Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Part 24: Particular requirements for enclosures for housing	protective devices and other power dissipating electrical equipment Pages: 92 IEC 60704-2-4:2024 PRV Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-4: Particular requirements for washing machines and spin extractors Pages: 19 IEC 60747-5-4:2022+ AMD1:2024 CSV Semiconductor devices - Part 5-4: Optoelectronic devices - Semiconductor lasers Pages: 66 IEC 60747-5-4:2022/ AMD1:2024 Amendment 1 - Semiconductor devices - Part 5-4: Optoelectronic devices - Semiconductor lasers Pages: 5 IEC 60794-2-20:2024 RLV Optical fibre cables - Part 2-20: Indoor cables - Family specification for multi-fibre optical cables Pages: 78 IEC 60794-2-20:2024 Optical fibre cables - Part 2-20: Indoor cables - Family specification for multi-fibre optical cables Pages: 51 IEC 61188-6-3:2024 Circuit boards and circuit board assemblies - Design and use - Part 6-3: Land pattern design - Description of land pattern for through hole components (THT) Pages: 62	IEC 61189-2-809:2024 Test methods for electrical materials, circuit boards and other interconnection structures and assemblies – Part 2-809: X/Y coefficient of thermal expansion (CTE) test for thick base materials by TMA Pages: 17 IEC 61643-01:2024 Low-voltage surge protective devices - Part 01: General Requirements and test methods Pages: 238 IEC TR 61850-90-22:2024 Communication networks and systems for power utility automation – Part 90-22: SCD based substation network automated management with visualization and supervision support Pages: 109 IEC PAS 61980-5:2024 Electric vehicle wireless power transfer (WPT) systems - Part 5: Interoperability and safety of dynamic wireless power transfer (D-WPT) for electric vehicles Pages: 65 IEC 62024-2:2024 RLV High frequency inductive components - Electrical characteristics and measuring methods - Part 2: Rated current of inductors for DC-to-DC converters Pages: 77 IEC 62024-2:2024 High frequency inductive components - Electrical characteristics and measuring methods - Part 2: Rated current of inductors for DC-to-DC converters
---	--	--

Pages: 49 IEC 62148-11:2024 Fibre optic active components and devices - Package and interface standards - Part 11: 14-pin modulator integrated laser diode modules and pump laser diode modules	systems - Performance test methods for small fuel cell power systems for multiple units operation Pages: 50 IEC 62282-7-2:2024 PRV Fuel cell technologies - Part 7-2: Test methods - Single cell and stack performance tests for solid oxide fuel cells (SOFCs)	Digital addressable lighting interface - Part 105: Particular requirements for control gear and control devices - Firmware transfer Pages: 64 IEC 62427:2024 Railway applications - Compatibility between rolling stock and train detection systems
Pages: 21 IEC TS 62257-9-5:2024 Renewable energy off-grid systems – Part 9-5: Integrated systems – Laboratory evaluation of stand-alone renewable energy products for rural electrification	Pages: 48 IEC 62290-1:2024 PRV Railway applications - Urban guided transport management and command/control systems - Part 1: System principles and fundamental concepts	Pages: 42 IEC 62508:2024 PRV Guidance on human aspects of dependability
Pages: 417 IEC TR 62263:2024 Live working - Guidelines for the installation and maintenance of optical fibre cables on overhead power lines	Pages: 33 IEC 62290-2:2024 PRV Railway applications - Urban guided transport management and command/control systems - Part 2: Functional requirements specification	Pages: 58 IEC 62590-1:2024 PRV Railway applications - Electronic power converters for fixed installations - Part 1: General requirements
Pages: 33 IEC TR 62271-307:2024 RLV High-voltage switchgear and controlgear - Part 307: Guidance for the extension of validity of type tests of AC metal and solid-insulation enclosed switchgear and controlgear for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 kV	Pages: 98 IEC 62290-3:2024 PRV Railway applications - Urban guided transport management and command/control systems - Part 3: System requirements specification	Pages: 53 IEC 62595-1-2:2024 Display lighting unit - Part 1-2: Terminology and letter symbols
Pages: 117 IEC TR 62271-307:2024 High-voltage switchgear and controlgear - Part 307: Guidance for the extension of validity of type tests of AC metal and solid-insulation enclosed switchgear and controlgear for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 kV	Pages: 269 IEC 62309:2024 Dependability of new products containing reused parts and life-extended products	Pages: 38 IEC TS 62600-101:2024 Marine energy - Wave, tidal and other water current converters - Part 101: Wave energy resource assessment and characterization
Pages: 57 IEC 62282-3-202:2024 PRV Fuel cell technologies - Part 3-202: Stationary fuel cell power	Pages: 70 IEC 62309:2004 IEC 62386-105:2024 RLV Digital addressable lighting interface - Part 105: Particular requirements for control gear and control devices - Firmware transfer	Pages: 61 IEC TS 62607-8-4:2024 Nanomanufacturing – Key control characteristics – Part 8-4: Metal-oxide interfacial devices – Activation energy of electronic trap states: Low-frequency-noise spectroscopy
	Pages: 101 IEC 62386-105:2024	Pages: 24 IEC 62680-1-2:2024 Universal serial bus interfaces for data and power - Part 1-2: Common components - USB Power Delivery specification

Pages: 2564 IEC 62680-1-3:2024 Universal serial bus interfaces for data and power - Part 1-3: Common components - USB Type-C® cable and connector specification	transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-4: Particular requirements for hand-held sanders and polishers other than disc type Pages: 5 IEC 62841-2-5/AMD1:2024 PRV	IEC 62841-2-10:2017/AMD1:2024 Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-10: Particular requirements for hand-held mixers Pages: 8 IEC 62841-2-14/AMD1:2024 PRV
Pages: 939 IEC 62715-6-23:2024 Flexible displays devices – Part 6-23: Mechanical test methods - Mechanical misaligned folding test method Pages: 13 IEC 62746-4:2024	Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-5: Particular requirements for hand-held circular saws Pages: 8 IEC 62841-2-8/AMD1:2024 PRV	Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-14: Particular requirements for hand-held planers Pages: 4 IEC 62841-2-17/AMD1:2024 PRV
Systems interface between customer energy management system and the power management system - Part 4: Demand Side Resource Interface Pages: 153 IEC TS 62818-1:2024	Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-8: Particular requirements for hand-held shears and nibblers Pages: 4 IEC 62841-2-9/AMD1:2024 PRV	Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-17: Particular requirements for hand-held routers Pages: 4 IEC 62841-2-21:2017+AMD1:2024 CSV
Conductors for overhead lines - Fiber reinforced composite core used as supporting member material - Part 1: Polymeric matrix composite cores Pages: 35 IEC TS 62818-2:2024	Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-9: Particular requirements for hand-held tappers and threaders Pages: 4 IEC 62841-2-10:2017+AMD1:2024 CSV	Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-21: Particular requirements for hand-held drain cleaners Pages: 34 IEC 62841-2-21:2017/AMD1:2024
Conductors for overhead lines - Fiber reinforced composite core used as supporting member material - Part 2: Metallic matrix composite cores Pages: 31 IEC 62841-1/AMD1:2024 PRV	Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-10: Particular requirements for hand-held mixers Pages: 44	Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-21: Particular

requirements for hand-held drain cleaners Pages: 8 IEC 62878-2-603:2024 PRV	Low-voltage auxiliary power systems - Part 1-1: Terminology Pages: 11 IEC 63366:2024 PRV	Electrical relays - Tests and measurements - Part 48: Contact failure rate test Pages: 52 IEC 63563-1:2024 PRV
Device embedding assembly technology - Part 2-603: Guideline for stacked electronic module - Test method of intra-module electrical connectivity Pages: 13 IEC TS 63165:2024	Product category rules for life cycle assessment of electrical and electronic products and systems Pages: 57 IEC TR 63424-1:2024	Qi Specification version 2.0 - Part 1: Introduction Pages: 18 IEC 63563-2:2024 PRV
Requirements for industrial water quality analyzer system - Photometry Pages: 26 IEC 63169:2020+AMD1:2024 CSV	Validation of dynamic power control and exposure time-averaging algorithms - Part 1: Cellular network implementations for SAR at frequencies up to 6 GHz Pages: 99 IEC 63438:2024	Qi Specification version 2.0 - Part 2: Glossary Pages: 17 IEC 63563-3:2024 PRV
Electrical household and similar cooling and freezing appliances - Food preservation Pages: 60 IEC 63169:2020/AMD1:2024	Railway applications - Fixed installations - Protection principles for AC and DC electric traction power supply systems Pages: 50 IEC TR 63502:2024	Qi Specification version 2.0 - Part 3: Mechanical, Thermal, and User Interface Pages: 17 IEC 63563-4:2024 PRV
Amendment 1 - Electrical household and similar cooling and freezing appliances - Food preservation Pages: 34 IEC 63203-201-4:2024	Guidelines for parameters measurement of HVDC transmission line Pages: 38 IEC 63522-13:2024	Qi Specification version 2.0 - Part 4: Power Delivery Pages: 58 IEC 63563-5:2024 PRV
Wearable electronic devices and technologies - Part 201-4: Electronic textile - Test method for determining sheet resistance of conductive fabrics after abrasion Pages: 21 IEC 63206:2024	Electrical relays - Tests and measurements - Part 13: Corrosive atmospheres due to sulfur impact Pages: 17 IEC 63522-15:2024	Qi Specification version 2.0 - Part 5: Communications Physical Layer Pages: 25 IEC 63563-6:2024 PRV
Industrial-process control systems - Recorders - Testing and performance evaluation Pages: 78 IEC SRD 63301-1:2024	Electrical relays - Tests and measurements - Part 15: Robustness of terminals Pages: 16 IEC 63522-17:2024	Qi Specification version 2.0 - Part 6: Communications Protocol Pages: 141 IEC 63563-7:2024 PRV
Smart city use case collection and analysis - Water systems in smart cities - Part 1: High-level analysis Pages: 45 IEC TS 63346-1-1:2024	Electrical relays - Tests and measurements - Part 17: Shock, acceleration and vibration Pages: 28 IEC 63522-48:2024	Qi Specification version 2.0 - Part 7: Foreign Object Detection Pages: 51 IEC 63563-8:2024 PRV
		Qi Specification version 2.0 - Part 8: NFC Tag Protection Pages: 31 IEC 63563-9:2024 PRV
		Qi Specification version 2.0 - Part 9: Authentication Protocol Pages: 93 IEC 63563-10:2024 PRV
		Qi Specification version 2.0 - Part 10: MPP System Specification

Pages: 166

TIÊU CHUẨN BS**BS ISO/IEC 27035-4:2024**

Information technology.
Information security incident
management – Coordination

BS ISO 4722-2:2024

Water quality. Thorium 232 -
Test method using ICP-MS

BS EN IEC 61340-4-9:2024

Electrostatics - Standard test
methods for specific
applications. Garments.

Resistive characterization

BS ISO 4702:2024

Water quality. Zirconium 93.

Test method using ICP-MS

BS ISO 4717:2024

Water quality. Protactinium
231. Test method using ICP-MS

BS ISO 6583:2024

Methanol as a fuel for marine
applications. General
requirements and specifications

BS ISO 16623:2024

Plastics. Marine biodegradation
testing. Preparation of
optimized intertidal seawater
and sediment

BS ISO 4721:2024

Water quality. Strontium 90.

Test method using ICP-MS

BS ISO 8353:2024

Steel sheet, zinc-aluminium-
magnesium alloy-coated by the
continuous hot-dip process, of
commercial, drawing and
structural qualities

BS EN 17930:2024

Hyperloop Systems Aspects.
Reference Architecture

BS EN IEC 61987-1:2024

Industrial- process
measurement and control. Data
structures and elements in
process equipment catalogues -

Generic structures for
measuring equipment

BS EN 16803-4:2024

Space. Use of GNSS-based
positioning for road Intelligent
Transport Systems (ITS) -

Definitions and system
engineering procedures for the
design and validation of test
scenarios

**BS EN IEC 60317-27-1:2020+
A1:2024**

Specifications for particular
types of winding wires - Paper
tape covered round copper wire

BS EN 14988:2017+A2:2024

Children's high chairs.
Requirements and test methods
Replace: BS EN 14988-
1:2006+A1:2012

**BS EN 60079-6:2015+
A1:2024**

Explosive atmospheres -
Equipment protection by liquid
immersion "o"

Replace: BS EN 60079-6:2015

**BS EN 60335-2-48:2003+
A12:2024**

Household and similar electrical
appliances. Safety - Particular
requirements for commercial
electric grillers and toasters

**BS EN 60079-5:2015+
A1:2024**

Explosive atmospheres -
Equipment protection by
powder filling "q"

Replace: BS EN 60079-5:2015

BS ISO 31512:2024

Cold chain logistics services in
the business to business (B to B)

sector. Requirements and
guidelines for storage and
transport

BS ISO 4385:2024

Plain bearings. Compression
testing of bearing materials

BS EN 71-13:2021+A2:2024

Safety of toys - Olfactory board
games, cosmetic kits and
gustative games

BS EN IEC 63404:2024

Switchgear and controlgear and
their assemblies for low voltage.

Integration of
radiocommunication device
above 380 MHz into an
equipment

**BS EN 60335-2-
47:2003+A12:2024**

Household and similar electrical
appliances. Safety - Particular
requirements for commercial
electric boiling pans

Replace: BS EN 60335-2-
47:2003+A2:2019

BS IEC 61937-16:2024

Digital audio. Interface for non-
linear PCM encoded audio
bitstreams applying IEC 60958
- AVSA

BS ISO 19045-2:2024

Ophthalmic optics. Contact lens
care products - Method for
evaluating disinfecting efficacy
by contact lens care products
using trophozoites of
Acanthamoeba species as the
challenge organisms

BS ISO 18162:2024

Biotechnology. Biobanking.
Requirements for human neural
stem cells derived from
pluripotent stem cells

**BS ISO 16063-21:2003+
A2:2024**

<p>Methods for the calibration of vibration and shock transducers - Vibration calibration by comparison to a reference transducer BS EN 18001:2024</p> <p>Curtain walling. Environmental product declarations. Product category rules for curtain walling BS ISO 9221:2024</p> <p>Furniture. Children's high chairs. Safety requirements and test methods BS EN 4869-001:2024</p> <p>Aerospace series. Expanded beam termini, fibre optic non-physical contact in EN 3645 standard cavities - Technical specification BS EN 4869-101:2024</p> <p>Aerospace series. Expanded beam termini, fibre optic non-physical contact in EN 3645 standard cavities - Multimode male termini size 16. Technical specification BS EN 4869-102:2024</p> <p>Aerospace series. Expanded beam termini, fibre optic non-physical contact in EN 3645 standard cavities - Multimode female termini size 16. Technical specification BS EN 4869-103:2024</p> <p>Aerospace series. Expanded beam termini, fibre optic non-physical contact in EN 3645 standard cavities - Multimode male termini size 12. Technical specification BS EN 4869-104:2024</p> <p>Aerospace series. Expanded beam termini, fibre optic non-physical contact in EN 3645</p>	<p>standard cavities - Multimode female termini size 12. Technical specification BS EN 196-12:2024</p> <p>Methods of testing cement - Reactivity of cement constituents. Heat of hydration and bound water content methods BS EN 1302:2024</p> <p>Chemicals used for treatment of water intended for human consumption. Aluminium-based coagulants. Analytical methods BS ISO/IEC 30181:2024</p> <p>Internet of Things (IoT). Functional architecture for resource identifier interoperability BS EN IEC 60691:2023+A1:2024</p> <p>Thermal-links. Requirements and application guide Replace: BS EN IEC 60691:2023 BS EN 71-3:2019+A2:2024</p> <p>Safety of toys - Migration of certain elements Replace: BS EN 71-3:2013+A3:2018 BS EN 12522:2024</p> <p>Furniture removal activities. Furniture removal for private individuals. Service specification BS EN 13031-2:2024</p> <p>Greenhouses. Design and construction - Greenhouses open to the public BS EN 18034:2024</p> <p>Algae and algae products. Methods of sampling and analysis. Determination of chlorophyll a content BS EN ISO 11199-2:2021+A1:2024</p>	<p>Assistive products for walking manipulated by both arms. Requirements and test methods - Rollators Replace: BS EN ISO 11199-2:2005 BS ISO 4892-4:2024</p> <p>Plastics. Methods of exposure to laboratory light sources - Open-flame carbon-arc lamps BS EN 16605:2024</p> <p>Space. Galileo Timing Receiver. Functional and Performance Requirements and associated Tests BS EN 16916:2024</p> <p>Materials obtained from End-of-Life Tyres. Determination of specific requirements for sampling and determination of moisture content using the oven-dry method BS EN 81-41:2024</p> <p>Safety rules for the construction and installation of lifts. Special lifts for the transport of persons and goods - Vertical lifting platforms intended for use by persons with impaired mobility BS ISO 6331:2024</p> <p>Chromium ores and concentrates. Determination of chromium content. Titrimetric method BS EN ISO 5649:2024</p> <p>Medical laboratories. Concepts and specifications for the design, development, implementation, and use of laboratory-developed tests BS EN IEC 60335-2-40:2024+A11:2024</p> <p>Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for electrical heat</p>
--	---	--

pumps, air-conditioners and dehumidifiers Replace: BS EN 60335-2-40:2003+A13:2012 BS 8887-221:2024 Design for manufacture, assembly, disassembly and end-of-life processing (MADE) - Remanufacture of luminaires. Code of Practice BS EN IEC 60335-2-102:2024 +A11:2024 Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for gas, oil and solid-fuel burning appliances having electrical connections Replace: BS EN 60335-2-102:2016 BS 594987:2024 Asphalt for roads and other trafficked areas. Transport, laying, compaction and product type testing protocols. Specification Replace: BS 598-1:2011 BS ISO 23515:2022+A1:2024 Titanium and titanium alloys. Designation system BS EN IEC 61010-2-201:2024 Safety requirements for electrical equipment for measurement, control, and laboratory use - Particular requirements for control equipment Replace: BS EN IEC 61010-2-201:2018 BS EN ISO 7944:2024 Optics and photonics. Reference wavelengths Replace: BS EN ISO 7944:1998 BS EN 6049-005:2024 Aerospace series. Electrical cables, installation. Protection	sleeve in meta-aramid fibres - Sleeve flexible, post installation. Product standard BS ISO 14199:2024 Health informatics. Information models. Biomedical Research Integrated Domain Group (BRIDG) Model BS ISO 15373:2024 Plastics. Polymer dispersions. Determination of free formaldehyde BS EN IEC 62052-31:2024 Electricity metering equipment. General requirements, tests and test conditions - Product safety requirements and tests BS 5975-1:2024 Temporary works - Management procedures for the control of temporary works. Code of practice Replace: BS 5975:2019 BS EN IEC 61084-2-1:2024 +A11:2024 Cable trunking systems and cable ducting systems for electrical installations - Particular requirements. Cable trunking systems and cable ducting systems intended for mounting on walls and ceilings Replace: BS EN 50085-2-1:2006+A1:2011 BS EN IEC 61084-2-2:2024 +A11:2024 Cable trunking systems and cable ducting systems for electrical installations - Particular requirements. Cable trunking systems and cable ducting systems intended for mounting underfloor, flushfloor, or onfloor BS ISO 20466:2024	Guidance for performance grading of recovered reverse osmosis (RO) membranes for water reuse BS EN IEC 61347-2-12:2024 Controlgear for electric light sources. Safety - Particular requirements. DC or AC supplied electronic controlgear for discharge lamps (excluding fluorescent lamps) Replace: BS EN 61347-2-12:2005+A1:2010 BS EN 17976:2024 Railway applications. Bolting of rail vehicles and components BS ISO 8000-210:2024 Data quality - Sensor data: Data quality characteristics BS EN 50728:2024 Railway applications. Rolling stock. Testing for electromagnetic compatibility with track circuits BS EN 4908:2024 Aerospace series. Hexavalent chromium free chemical conversion process of magnesium and magnesium alloys BS ISO 23100:2024 Decorative physical vapor deposition (PVD) coatings on kitchen and sanitary ware fittings. Specification and test methods BS EN IEC 60352-2:2024 Solderless connections - Crimped connections. General requirements, test methods and practical guidance Replace: BS EN 60352-2:2006+A1:2013 BS EN IEC 60079-11:2024
---	--	--

Explosive atmospheres - Equipment protection by intrinsic safety "i" Replace: BS EN 60079-11:2012 BS EN 16709:2024	requirements for label stock. Specification Replace: BS 5609:1986 BS EN ISO 19085-12:2024	BS EN IEC 62288:2022+A1:2024
Automotive fuels. High FAME diesel fuel (B20 and B30). Requirements and test methods Replace: BS EN 16709:2015+A1:2018 BS EN 16942:2024	Woodworking machines. Safety - Tenoning-profiling machines Replace: BS EN ISO 19085-12:2021+A11:2023 BS EN 17451:2024	Maritime navigation and radiocommunication equipment and systems. Presentation of navigation-related information on shipborne navigational displays. General requirements, methods of testing and required test results BS EN IEC 62288:2022+A1:2024
Fuels. Identification of vehicle compatibility. Graphical expression for consumer information BS EN IEC 60601-2-33:2024	Fixed firefighting systems. Automatic sprinkler systems. Design, assembly, installation and commissioning of pump sets BS EN ISO 8504-4:2024	Maritime navigation and radiocommunication equipment and systems. Presentation of navigation-related information on shipborne navigational displays. General requirements, methods of testing and required test results BS EN IEC 61851-24:2024
Medical electrical equipment - Particular requirements for the basic safety and essential performance of magnetic resonance equipment for medical diagnosis Replace: BS EN 60601-2-33:2010+A12:2016 BS EN IEC 61084-2-3:2024+A11:2024	Preparation of steel substrates before application of paints and related products. Surface preparation methods - Acid pickling BS ISO/IEC 15415:2024	Electric vehicle conductive charging system - Digital communication between a DC EV supply equipment and an electric vehicle for control of DC charging BS EN IEC 60747-15:2024
Cable trunking systems and cable ducting systems for electrical installations - Particular requirements. Slotted cable trunking systems intended for installation in cabinets Replace: BS EN 50085-2-3:2010 BS EN IEC 61084-2-4:2024+A11:2024	Replace: BS ISO/IEC 15415:2011 BS EN IEC 60947-4-2:2023+A1:2024	Semiconductor devices - Discrete devices. Isolated power semiconductor devices Replace: BS EN 60747-15:2012 BS EN ISO 13947:2024
Cable trunking systems and cable ducting systems for electrical installations - Particular requirements. Service poles and service posts BS 5609:2024	Low-voltage switchgear and controlgear - Contactors and motor-starters. Semiconductor motor controllers, starters and soft-starters Replace: BS EN IEC 60947-4-2:2023 BS ISO 16358-1:2013+A2:2024	Metallic powders. Test method for the determination of non-metallic inclusions in metal powders using a powder-forged specimen Replace: BS ISO 13947:2011 BS ISO 28005-1:2024
Printed pressure-sensitive, adhesive-coated labels for marine use, including	Air-cooled air conditioners and air-to-air heat pumps. Testing and calculating methods for seasonal performance factors - Cooling seasonal performance factor	Ships and marine technology. Electronic port clearance (EPC) - Message structures and application programming interfaces

Replace: BS ISO 28005-1:2013

BS EN 3480:2024

Aerospace series. Steel

X6CrNiTi18-10 (1.4541). Air melted. Softened. Plates. 6 mm $a > 50 \text{ mm}$. 500 MPa $R_m > 700 \text{ MPa}$

BS EN ISO 24664:2024

Refrigerating systems and heat pumps. Pressure relief devices and their associated piping.

Methods for calculation

Replace: BS EN

13136:2013+A1:2018

BS EN 10344:2024

Malleable cast iron fittings with compression ends for steel pipes

BS EN 30-2-1:2024

Domestic cooking appliances burning gas - Rational use of energy. General

BS EN 14211:2024

Ambient air. Standard method for the measurement of the concentration of nitrogen dioxide and nitrogen monoxide by chemiluminescence

Replace: BS EN 14211:2012

BS EN 14212:2024

Ambient air. Standard method for the measurement of the concentration of sulphur dioxide by ultraviolet fluorescence

Replace: BS EN 14212:2012

BS EN 14750:2024

Railway applications. Air conditioning for urban, suburban and regional rolling stock: Comfort parameters and type tests

BS EN 16163:2024

Conservation of cultural heritage. Guidelines and

procedures for choosing appropriate lighting for indoor exhibitions

BS ISO 4379:2024

Plain bearings. Copper alloy bushes. Dimensions and tolerances

Replace: BS ISO 4379:2018

BS EN 4681-002:2024

Aerospace series. Cables, electric, general purpose, with conductors in aluminium or copper-clad aluminium - General

BS EN 15266:2024

Stainless steel pliable corrugated tubing kits for gas installation pipework with an operating pressure up to 0,2 MPa (2 bar)

BS EN 12953-9:2024

Shell boilers - Requirements for limiting devices of the boiler and accessories

BS EN 16905-3:2024

Gas-fired endothermic engine-driven heat pumps - Test conditions

BS EN 1482-1:2024

Fertilizers, liming materials and inhibitors. Sampling and sample preparation - General sampling provisions

Replace: BS EN 1482-1:2007

BS EN 1482-2:2024

Fertilizers, liming materials and inhibitors. Sampling and sample preparation - General sample preparation provisions

Replace: BS EN 1482-2:2007

BS EN 71-18:2024

Safety of toys - Phenol in aqueous (content) and polymeric (migration) toy materials

BS EN 71-19:2024

Safety of toys - Migration of bisphenol A from toy materials

BS EN 3475-606:2024

Aerospace series. Cables, electrical, aircraft use. Test methods - Wicking test on textile braid insulation

BS EN 3661-001:2024

Aerospace series. Circuit breakers, single-pole, temperature compensated, rated currents 20 A to 50 A - Technical specification

BS EN 3662-001:2024

Aerospace series. Circuit breakers, three-pole, temperature compensated, rated currents 20 A to 50 A - Technical specification

BS EN 3773-001:2024

Aerospace series. Circuit breakers, single-pole, temperature compensated, rated currents 1 A to 25 A - Technical specification

BS EN 6059-505:2024

Aerospace series. Electrical cables, installation. Protection sleeves. Test methods - Lightning strike and current pulse

BS EN 2714-014:2024

Aerospace series. Cables, electrical, single and multicore for general purpose. Operating temperatures between -55 °C and 260 °C - DR family, 1 to 11 cores, taped, screened (braided) and jacketed, UV laser printable. Product standard

Replace: BS EN 2714-014:2016

BS EN 18051:2024

Automotive fuels.

Determination of content of

butoxy-benzene in middle distillates. Gas chromatographic method using a flame ionization detector (GC-FID) BS EN 15191:2024	Standard Guide for Determining Volatile and Nonvolatile Content of Driers, Naval Stores, and Solvents Pages: 2 Replace: ASTM D4140-07(2018) ASTM D7634-24	Replace: ASTM D7469-23 ASTM F1459-06(2024) Standard Test Method for Determination of the Susceptibility of Metallic Materials to Hydrogen Gas Embrittlement (HGE) Pages: 3 Replace: ASTM F1459-06(2017) ASTM D6733-24
Precast concrete products. Classification of glassfibre reinforced concrete performance BS EN 1169:2024	Standard Practice for Visualizing Particulate Sizes and Morphology of Particles Contained in Hydrogen Fuel by Microscopy Pages: 6 Replace: ASTM D7634-10(2017) ASTM F1624-12(2024)	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
Precast concrete products. General rules for production control of glassfibre reinforced concrete BS EN ISO 17573-3:2024	Standard Test Method for Measurement of Hydrogen Embrittlement Threshold in Steel by the Incremental Step Loading Technique Pages: 12 Replace: ASTM F1624-12(2018) ASTM F502-08(2024)	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
Electronic fee collection. System architecture for vehicle-related tolling - Data dictionary BS EN ISO 14630:2024	Standard Test Method for Measurement of Hydrogen Embrittlement Threshold in Steel by the Incremental Step Loading Technique Pages: 12 Replace: ASTM F1624-12(2018) ASTM F502-08(2024)	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
Non-active surgical implants. General requirements BS ISO 16254:2024	Standard Test Method for Measurement of Hydrogen Embrittlement Threshold in Steel by the Incremental Step Loading Technique Pages: 12 Replace: ASTM F1624-12(2018) ASTM F502-08(2024)	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
Acoustics. Measurement of sound emitted by road vehicles of category M and N at standstill and low speed operation. Engineering method BS EN 1838:2024	Standard Test Method for Effects of Cleaning and Chemical Maintenance Materials on Painted Aircraft Surfaces Pages: 3 Replace: ASTM F502-08(2019) ASTM D4707-24	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
Lighting applications. Emergency lighting for buildings BS EN IEC 62974-1:2024	Standard Test Method for Measuring Paint Spatter Resistance During Roller Application Pages: 9 Replace: ASTM D4707-09(2017) ASTM D7469-24	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
Monitoring and measuring systems used for data collection, aggregation and analysis - Device requirements BS EN 14625:2024	Standard Test Method for Measuring Paint Spatter Resistance During Roller Application Pages: 9 Replace: ASTM D4707-09(2017) ASTM D7469-24	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
Ambient air. Standard method for the measurement of the concentration of ozone by ultraviolet photometry	Standard Test Methods for End Joints in Structural Wood Products Pages: 16	Standard Test Method for Determination of Individual Components in Spark Ignition Engine Fuels by 50-Metre Capillary High Resolution Gas Chromatography Pages: 23 Replace: ASTM D6733-01(2020) ASTM C1513-24
<u>TIÊU CHUẨN ASTM</u>		
ASTM D4140-24		

Pages: 12 Replace: ASTM F564-17 ASTM D1946-24 Standard Practice for Analysis of Gaseous Fuels by Gas Chromatography Pages: 5 Replace: ASTM D1946-90(2019) ASTM C1063-24 Standard Specification for Installation of Lathing and Furring to Receive Interior and Exterior Portland Cement-Based Plaster Pages: 10 Replace: ASTM C1063-23 ASTM F1635-24 Standard Test Method for in vitro Degradation Testing of Hydrolytically Degradable Polymer Resins and Fabricated Forms for Surgical Implants Pages: 8 Replace: ASTM F1635-16 ASTM F1417-11a(2024) Standard Practice for Installation Acceptance of Plastic Non-pressure Sewer Lines Using Low-Pressure Air Pages: 6 Replace: ASTM F1417-11A(2019)e1 ASTM C955-24 Standard Specification for Cold-Formed Steel Structural Framing Members Pages: 2 Replace: ASTM C955-18e1 ASTM D6185-24 Standard Practice for Evaluating Compatibility of Binary Mixtures of Lubricating Greases Pages: 9	Replace: ASTM D6185-11(2017) ASTM F3690-24 Standard Test Method for Evaluating Suture Anchor Insertion and Pull Displacement Resistance Pages: 13 ASTM F1830-19(2024) Standard Practice for Collection and Preparation of Blood for Dynamic in vitro Evaluation of Hemolysis in Blood Pumps Pages: 3 Replace: ASTM F1830-19 ASTM E2373/E2373M-19(2024) Standard Practice for Use of the Ultrasonic Time of Flight Diffraction (TOFD) Technique Pages: 13 Replace: ASTM E2373/E2373M-19 ASTM E547-00(2024) Standard Test Method for Water Penetration of Exterior Windows, Skylights, Doors, and Curtain Walls by Cyclic Static Air Pressure Difference Pages: 5 Replace: ASTM E547-00(2016) ASTM C645-24 Standard Specification for Nonstructural Steel Framing Members Pages: 5 Replace: ASTM C645-18 ASTM F3690-24 Standard Test Method for Evaluating Suture Anchor Insertion and Pull Displacement Resistance Pages: 13 ASTM D7825-24	Standard Practice for Generating a Process Stream Property Value through Application of a Process Stream Analyzer Pages: 5 Replace: ASTM D7825-18 ASTM D7039-24 Standard Test Method for Sulfur in Gasoline, Diesel Fuel, Jet Fuel, Kerosine, Biodiesel, Biodiesel Blends, and Gasoline-Ethanol Blends by Monochromatic Wavelength Dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry Pages: 12 Replace: ASTM D7039-15a(2020) ASTM D4259-24 Standard Practice for Preparation of Concrete by Abrasion Prior to Coating Application Pages: 3 Replace: ASTM D4259-18 ASTM F3653-24 Standard Specification for Installation of Rechargeable Lithium Batteries on Aircraft Pages: 3 ASTM F2459-24 Standard Test Method for Extracting Residue from Medical Components and Quantifying via Gravimetric Analysis Pages: 11 Replace: ASTM F2459-18 ASTM F2579-24 Standard Specification for Amorphous Poly(lactide) and Poly(lactide-co-glycolide) Resins for Surgical Implants Pages: 12 Replace: ASTM F2579-18
---	--	---

ASTM A961/A961M-24b	Pages: 63	ASTM F628-24
Standard Specification for	ASTM E176-24a	Standard Specification for
Common Requirements for Steel	Standard Terminology of Fire	Acrylonitrile-Butadiene-Styrene
Flanges, Forged Fittings, Valves,	Standards	(ABS) Schedule 40 Plastic Drain,
and Parts for Piping	Pages: 27	Waste, and Vent Pipe With a
Applications	Replace: ASTM E176-24	Cellular Core
Pages: 9	ASTM F1488-24	Pages: 9
ASTM E2749-24a	Standard Specification for	Replace: ASTM F628-23
Standard Practice for Measuring	Coextruded Composite Pipe	ASTM E3347/E3347M-24a
the Uniformity of Furnace	Pages: 12	Standard Specification for
Exposure on Test Specimens	Replace:	Ballistic-Resistant Shields Used
Pages: 11	ASTM F1488-14(2019)	by Law Enforcement Officers
Replace: ASTM E2749-24	ASTM F1439-24	Pages: 14
ASTM 51275-21e1	Standard Guide for Performance	Replace: ASTM E3347/E3347M-
Standard Practice for Use of a	of Lifetime Bioassay for the	24
Radiochromic Film Dosimetry	Tumorigenic Potential of	ASTM D4733-24
System	Implant Materials	Standard Test Methods for
Pages: 7	Pages: 6	Solventless Electrical Insulating
Replace: ASTM 51275-21	Replace: ASTM F1439-	Varnishes
ASTM F2313-24	03(2018)	Pages: 6
Standard Specification for	ASTM D5356-24	Replace: ASTM D4733-17
Poly(glycolide) and	Standard Test Method for pH of	ASTM D3790-24
Poly(glycolide-co-lactide)	Chrome Tanning Solutions	Standard Test Method for
Resins for Surgical Implants	Pages: 2	Volatile Matter (Moisture) of
with Mole Fractions Greater	Replace: ASTM D5356-17a	Leather by Oven Drying
Than or Equal to 70 % Glycolide	ASTM E2298-24	Pages: 2
Pages: 10	Standard Test Method for	Replace: ASTM D3790-17
Replace: ASTM F2313-18	Instrumented Impact Testing of	ASTM F2149-24
ASTM F1925-24	Metallic Materials	Standard Test Method for
Standard Specification for Semi-	Pages: 9	Automated Analyses of Cells—
Crystalline Poly(lactide)	Replace: ASTM E2298-18	the Electrical Sensing Zone
Polymer and Copolymer Resins	ASTM D4881-24	Method of Enumerating and
for Surgical Implants	Standard Test Method for	Sizing Single Cell Suspensions
Pages: 10	Thermal Endurance of	Pages: 5
Replace: ASTM F1925-22	Varnished Fibrous, Film-	Replace: ASTM F2149-16
ASTM D6375-24	Wrapped, or Film Insulated	ASTM F3209-24a
Standard Test Method for	Magnet Wire	Standard Guide for Autologous
Evaporation Loss of Lubricating	Pages: 3	Platelet-Rich Plasma, Platelet
Oils by Thermogravimetric	Replace: ASTM D4881-	Gels, and Whole Blood Gels for
Analyzer (TGA) Noack Method	05(2017)	Use in Tissue Engineering and
Pages:6	ASTM D2810-24	Cell Therapy
ASTM D5340-24	Standard Test Method for pH of	Pages: 9
Standard Test Method for	Leather	Replace: ASTM F3209-24
Airport Pavement Condition	Pages: 3	ASTM F1970-24
Index Surveys	Replace: ASTM D2810-18	

Standard Specification for Special Engineered Fittings, Appurtenances or Valves for use in Poly (Vinyl Chloride) (PVC) or Chlorinated Poly (Vinyl Chloride) (CPVC) Systems Pages: 6 Replace: ASTM F1970-23 ASTM E1262-24	Consolidating Concrete Using Penetration Test Pages: 5 Replace: ASTM C1712-20 ASTM D6656-24	Implementation of Exoskeletons in Task-Specific Environments Pages: 25 Replace: ASTM F3527-21 ASTM E274/E274M-24
Standard Guide for Performance of Chinese Hamster Ovary Cell/Hypoxanthine Guanine Phosphoribosyl Transferase Gene Mutation Assay Pages: 5 Replace: ASTM E1262-88(2018) ASTM D2756-24	Standard Test Method for Determination of Chromic Oxide in Wet Blue (Perchloric Acid Oxidation) Pages: 5 Replace: ASTM D6656-16(2021) ASTM E2606-18(2024)	Standard Test Method for Skid Resistance of Paved Surfaces Using a Full-Scale Tire Pages: 6 Replace: ASTM E274/E274M-15(2020) ASTM E108-24
Standard Test Method for Weight Loss of Electrical Insulating Varnishes Pages: 2 Replace: ASTM D2756-07(2017) ASTM D1509-24	Standard Practice for Receipt Notification as a Result of Tangible Asset Movement Pages: 2 Replace: ASTM E2606-18 ASTM 52303-24e1	Standard Test Methods for Fire Tests of Roof Coverings Pages: 15 Replace: ASTM E108-20a ASTM F2272-24
Standard Test Methods for Carbon Black—Heating Loss Pages: 4 Replace: ASTM D1509-18(2023) ASTM F3730-24	Standard Guide for Absorbed-Dose Mapping in Radiation Processing Facilities Pages: 13 Replace: ASTM 52303-24 ASTM E1303-95(2024)	Standard Specification for Paintball Markers Pages: 6 Replace: ASTM F2272-23 ASTM C1702-24
Standard Specification for Projectiles Used with Hydrogel Projectile Launchers Pages: 3 ASTM F3232/F3232M-24	Standard Practice for Refractive Index Detectors Used in Liquid Chromatography Pages: 11 Replace: ASTM E1303-95(2017) ASTM D5456-24	Standard Test Method for Measurement of Heat of Hydration of Hydraulic Cementitious Materials Using Isothermal Conduction Calorimetry Pages: 9 Replace: ASTM C1702-23e1 ASTM C473-24
Standard Specification for Flight Controls in Small Aircraft Pages: 20 Replace: ASTM F3232/F3232M-23a ASTM C1712-24	Standard Specification for Evaluation of Structural Composite Lumber Products Pages: 36 Replace: ASTM D5456-21e1 ASTM G132-24	Standard Test Methods for Physical Testing of Gypsum Panel Products Pages: 18 Replace: ASTM C473-19 ASTM E2684-24
Standard Test Method for Rapid Assessment of Static Segregation Resistance of Self-	Standard Test Method for Pin Abrasion Testing Pages: 8 Replace: ASTM G132-96(2018) ASTM F3527-24	Standard Test Method for Measuring Heat Flux Using Surface-Mounted One-Dimensional Flat Gages Pages: 8 Replace: ASTM E2684-17 ASTM E1337-24
Consolidating Concrete Using Penetration Test Pages: 5 Replace: ASTM C1712-20 ASTM D6656-24	Standard Practice for Receipt Notification as a Result of Tangible Asset Movement Pages: 2 Replace: ASTM E2606-18 ASTM 52303-24e1	Standard Test Method for Measurement of Heat of Hydration of Hydraulic Cementitious Materials Using Isothermal Conduction Calorimetry Pages: 9 Replace: ASTM C1702-23e1 ASTM C473-24

Standard Test Method for Determining Longitudinal Peak Braking Coefficient (PBC) of Paved Surfaces Using Standard Reference Test Tire Pages: 5 Replace: ASTM E1337-19	ASTM E2671-10(2024) Standard Practice for Defining Movements, Shipments, and Transfers of Tangible Property Pages: 2 Replace: ASTM E2671-10(2016)	Replace: ASTM D7679-16(2020)
ASTM A240/A240M-24b Standard Specification for Chromium and Chromium-Nickel Stainless Steel Plate, Sheet, and Strip for Pressure Vessels and for General Applications Pages:12 Replace: ASTM A240/A240M-24a	ASTM E1859/E1859M-24 Standard Test Method for Friction Coefficient Measurements Between Tire and Pavement Using a Variable Slip Technique Pages: 8 Replace: ASTM E1859/E1859M-11(2020)	ASTM D7662-15(2024) Standard Test Method for Carbon Content in Carbon Black Feedstock Oils Pages: 4 Replace: ASTM D7662-15(2020)
ASTM F3562-24 Standard Specification for Selection and Application of Thermal Insulation Systems on Liquefied Natural Gas (LNG) Type C Tanks Pages:7	ASTM D2887-24 Standard Test Method for Boiling Range Distribution of Petroleum Fractions by Gas Chromatography Pages: 35 Replace: ASTM D2887-23	ASTM C1925/C1925M-24a Standard Test Method for Strength Properties of Direct Hung, Suspended T-bar Type Ceiling System Components Intended to Receive Gypsum Panel Products Pages: 7 Replace: ASTM C1925/C1925M-24
ASTM C1797-24 Standard Specification for Ground Calcium Carbonate and Aggregate Mineral Fillers for use in Hydraulic Cement Concrete Pages: 8 Replace: ASTM C1797-23a	ASTM A480/A480M-24a Standard Specification for General Requirements for Flat-Rolled Stainless and Heat-Resisting Steel Plate, Sheet, and Strip Pages: 26 Replace: ASTM A480/A480M-24	ASTM E2465-24 Standard Test Method for Analysis of Ni-Base Alloys by Wavelength Dispersive X-Ray Fluorescence Spectrometry Pages: 11 Replace: ASTM E2465-23
ASTM F2797-19(2024) Standard Test Method for Evaluating Edge Cleaning Effectiveness of Vacuum Cleaners Pages: 11 Replace: ASTM F2797-19	ASTM D2868-24 Standard Test Method for Nitrogen Content (Kjeldahl) and Hide Substance Content of Leather, Wet Blue and Wet White Pages: 6 Replace: ASTM D2868-17	ASTM D6716-24 Standard Test Method for Total Ash in Wet Blue or Wet White Pages: 2 Replace: ASTM D6716-08(2020)
ASTM E2727-24 Standard Practice for Assessment of Rainwater Quality Pages: 7 Replace: ASTM E2727-18	ASTM D7679-16(2024) Standard Test Method for Sulfur Content in Carbon Black Feedstock Oils Pages: 5	ASTM D6601-19(2024) Standard Test Method for Rubber Properties— Measurement of Cure and After-Cure Dynamic Properties Using a Rotorless Shear Rheometer Pages: 12 Replace: ASTM D6601-19
		ASTM D2000-18(2024)e1 Standard Classification System for Rubber Products in Automotive Applications Pages: 53

<p>Replace: ASTM D2000-18 ASTM E2691-20(2024) Standard Practice for Job Productivity Measurement Pages: 26 Replace: ASTM E2691-20 ASTM D6227-24a Standard Specification for Unleaded Aviation Gasoline Containing a Non-hydrocarbon Component Pages:8 Replace: ASTM D6227-24 ASTM D5094/D5094M-24 Standard Test Methods for Gross Leakage of Liquids from Containers with Threaded or Lug-Style Closures Pages: 3 Replace: ASTM D5094/D5094M-09(2014) ASTM C1356-24 Standard Test Method for Quantitative Determination of Phases in Portland Cement Clinker by Microscopical Point-Count Procedure Pages: 6 Replace: ASTM C1356-07(2020) ASTM C1872-24 Standard Test Method for Thermogravimetric Analysis of Hydraulic Cement Pages: 8 Replace: ASTM C1872-18e2 ASTM E2903-18(2024) Standard Test Method for Measurement of the Effective Focal Spot Size of Mini and Micro Focus X-ray Tubes Pages: 5 Replace: ASTM E2903-18 ASTM G75-24</p>	<p>Standard Test Method for Determination of Slurry Abrasivity (Miller Number) and Slurry Abrasion Response of Materials (SAR Number) Pages: 22 Replace: ASTM G75-15(2021) ASTM F3718-24 Standard Practice for Maintaining Oxidative Capacity of Test Solutions for Degradation Screening of Non-Absorbable Polymers Pages: 17 ASTM D2875-00(2024) Standard Test Method for Insoluble Ash of Vegetable-Tanned Leather Pages: 2 Replace: ASTM D2875-00(2020) ASTM D2699-24b Standard Test Method for Research Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel Pages: 48 Replace: ASTM D2699-24a ASTM D2700-24c Standard Test Method for Motor Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel Pages: 59 Replace: ASTM D2700-24b ASTM C326-09(2024) Standard Test Method for Drying and Firing Shrinkages of Ceramic Whiteware Clays Pages: 2 Replace: ASTM C326-09(2018) ASTM A902-24 Standard Terminology Relating to Metallic Coated Steel Products Pages: 9 Replace: ASTM A902-23a</p>	<p>ASTM A459-24 Standard Specification for Zinc-Coated Flat Steel Armoring Tape Pages: 3 Replace: ASTM A459-08(2020) ASTM E1943-24 Standard Guide for Remediation of Ground Water by Natural Attenuation at Petroleum Release Sites Pages: 44 Replace: ASTM E1943-98(2015) ASTM D2213-00(2024) Standard Test Method for Compressibility of Leather Pages:2 Replace: ASTM D2213-00(2020) ASTM D1611-12(2024) Standard Test Method for Corrosion Produced by Leather in Contact with Metal Pages: 3 Replace: ASTM D1611-12(2019) ASTM C689-09(2024) Standard Test Method for Modulus of Rupture of Unfired Clays Pages: 3 Replace: ASTM C689-09(2019) ASTM F3711/F3711M-24 Standard Practice for Pole Vault Use Areas Pages: 6 ASTM D5637-24 Standard Test Method for Moisture Resistance of Electrical Insulating Varnishes Pages: 2 Replace: ASTM D5637-05(2017) ASTM C322-09(2024)</p>
--	---	---

Standard Practice for Sampling Ceramic Whiteware Clays Pages: 2 Replace: ASTM C322-09(2018) ASTM C1644/C1644M-24 Standard Specification for Resilient Connectors Between Reinforced Concrete On-Site Wastewater Tanks and Pipes Pages: 5 Replace: ASTM C1644-06(2017) ASTM C837-09(2024) Standard Test Method for Methylene Blue Index of Clay Pages: 2 Replace: ASTM C837-09(2019) ASTM F1447-24 Standard Specification for Helmets Used in Recreational Bicycling or Roller Skating Pages: 4 Replace: ASTM F1447-18 ASTM E1655-17(2024) Standard Practices for Infrared Multivariate Quantitative Analysis Pages: 30 Replace: ASTM E1655-17 ASTM D4831-00(2024) Standard Test Method for Buckle Tear Strength of Leather Pages: 2 Replace: ASTM D4831-00(2020) ASTM D2622-24a Standard Test Method for Sulfur in Petroleum Products by Wavelength Dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry Pages:12 Replace: ASTM D2622-24 ASTM E1511-93(2024)	Standard Practice for Testing Conductivity Detectors Used in Liquid and Ion Chromatography Pages: 6 Replace: ASTM E1511-93(2017) ASTM D8576-24 Standard Test Method for Measuring the Thread Length and Pull-off Force of a Lubricating Grease by using the Falex TAA Instrument Pages: 7 ASTM D4786-00(2024) Standard Test Method for Stitch Tear Strength, Single Hole Pages: 2 Replace: ASTM D4786-00(2020) ASTM D4294-24 Standard Test Method for Sulfur in Petroleum and Petroleum Products by Energy Dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry Pages: 9 Replace: ASTM D4294-21 ASTM D2876-00(2024) Standard Test Method for Water-Soluble Matter of Vegetable-Tanned Leather Pages: 3 Replace: ASTM D2876-00(2020) ASTM C847-18(2024) Standard Specification for Metal Lath Pages: 3 Replace: ASTM C847-18 ASTM E1642-00(2024) Standard Practice for General Techniques of Gas Chromatography Infrared (GC/IR) Analysis Pages: 9	Replace: ASTM E1642-00(2016) ASTM D4882-24 Standard Test Method for Bond Strength of Electrical Insulating Varnishes by the Twisted-Coil Test Pages: 4 Replace: ASTM D4882-17 ASTM D4899-99(2024) Standard Practice for Analysis of Vegetable Tanning Materials—General Pages: 2 Replace: ASTM D4899-99(2020) ASTM D2096-11(2024) Standard Test Method for Colorfastness and Transfer of Color in the Washing of Leather Pages: 5 Replace: ASTM D2096-11(2019)e1 ASTM F1718-01(2024) Standard Specification for Rotary Positive Displacement Distillate Fuel Pumps Pages: 7 Replace: ASTM F1718-01(2019) ASTM E2077-00(2024) Standard Specification for Analytical Data Interchange Protocol for Mass Spectrometric Data Pages: 13 Replace: ASTM E2077-00(2016) ASTM E1698-95(2024) Standard Practice for Testing Electrolytic Conductivity Detectors (ELCD) Used in Gas Chromatography Pages: 7 Replace: ASTM E1698-95(2017)
--	--	---

ASTM D5470-17(2024) Standard Test Method for Thermal Transmission Properties of Thermally Conductive Electrical Insulation Materials Pages: 6 Replace: ASTM D5470-17	Standard Practice for General Techniques of Thermogravimetric Analysis (TGA) Coupled With Infrared Analysis (TGA/IR) Pages: 10 Replace: ASTM E2105-00(2016)	ASTM F1791-00(2024) Standard Specification for Filters Used in Air or Nitrogen Systems Pages: 8 Replace: ASTM F1791-00(2019)
ASTM F3061/F3061M-24a Standard Specification for Systems and Equipment in Aircraft Pages: 32 Replace: ASTM F3061/F3061M-24	ASTM E2056-04(2024) Standard Practice for Qualifying Spectrometers and Spectrophotometers for Use in Multivariate Analyses, Calibrated Using Surrogate Mixtures Pages: 10 Replace: ASTM E2056-04(2016)	ASTM F1700-24 Standard Specification for Solid Vinyl Floor in Modular Format such as Tile(s) or Plank(s) Pages: 5 Replace: ASTM F1700-20
ASTM D4802-16(2024) Standard Specification for Poly(Methyl Methacrylate) Acrylic Plastic Sheet Pages: 6 Replace: ASTM D4802-16	ASTM D6970-24 Standard Practice for Collection of Calcined Petroleum Coke Samples for Analysis Pages: 4 Replace: ASTM D6970-03(2019)	ASTM E2617-17(2024) Standard Practice for Validation of Empirically Derived Multivariate Calibrations Pages: 11 Replace: ASTM E2617-17
ASTM D1894-24 Standard Test Method for Static and Kinetic Coefficients of Friction of Plastic Film and Sheeting Pages: 7 Replace: ASTM D1894-14	ASTM B783-24 Standard Specification for Materials for Ferrous Powder Metallurgy (PM) Structural Parts Pages: 42 Replace: ASTM B783-19	ASTM E2078-00(2024) Standard Guide for Analytical Data Interchange Protocol for Mass Spectrometric Data Pages: 25 Replace: ASTM E2078-00(2016)
ASTM B487-24 Standard Test Method for Measurement of Metal and Oxide Coating Thickness by Microscopical Examination of Cross Section Pages: 5 Replace: ASTM B487-20	ASTM F1985-99(2024) Standard Specification for Pneumatic-Operated, Globe-Style, Control Valves Pages: 6 Replace: ASTM F1985-99(2019)e1	ASTM E1790-04(2024) Standard Practice for Near Infrared Qualitative Analysis Pages: 8 Replace: ASTM E1790-04(2016)e1
ASTM F1795-00(2024) Standard Specification for Pressure-Reducing Valves for Air or Nitrogen Systems Pages: 8 Replace: ASTM F1795-00(2019)	ASTM A900/A900M-24 Standard Test Method for Lamination Factor of Amorphous Magnetic Strip Pages: 5 Replace: ASTM A900/A900M-01(2018)	ASTM D2157-24 Standard Test Method for Effect of Air Supply on Smoke Density in Flue Gases from Burning Distillate Fuels Pages: 3 Replace: ASTM D2157-18
ASTM E2105-00(2024)		ASTM C1845-24 Standard Practice for The Separation of Lanthanide Elements from Uranium Matrices Using High Pressure Ion Chromatography (HPIC) for Isotopic Analyses by Inductively

<p>Coupled Plasma Mass Spectrometry (ICP-MS) Pages: 8 Replace: ASTM C1845-16 ASTM E2187-24 Standard Test Method for Measuring the Ignition Strength of Cigarettes Pages: 10 Replace: ASTM E2187-20a ASTM D7476-08(2024) Standard Test Method for Brine Saturation Value of Cured (Salt-Preserved) Hides and Skins Pages: 4 Replace: ASTM D7476-08(2020) ASTM F3178-24 Standard Practice for Operational Risk Assessment of Unmanned Aircraft Systems (UAS) Pages: 11 Replace: ASTM F3178-16 ASTM D6715-13(2024) Standard Practice for Sampling and Preparation of Fresh or Salt-Preserved (Cured) Hides and Skins for Chemical and Physical Tests Pages: 3 Replace: ASTM D6715-13(2020) ASTM F1798-24 Standard Test Method for Evaluating the Static and Fatigue Properties of Interconnection Mechanisms and Subassemblies Used in Spinal Arthrodesis Implants Pages: 11 Replace: ASTM F1798-21 ASTM C395-24</p>	<p>Standard Specification for Chemical-Resistant Resin Mortars Pages: 2 Replace: ASTM C395-01(2012) ASTM F3395/F3395M-24 Standard Specification for Neurosurgical Head Holder Devices Pages: 9 Replace: ASTM F3395/F3395M-19 ASTM F1831-24 Standard Specification for Cranial Traction Tongs and Halo External Spinal Immobilization Devices Pages: 9 Replace: ASTM F1831-17 ASTM D6013-00(2024) Standard Test Method for Determination of Area Stability of Leather to Laundering Pages: 4 Replace: ASTM D6013-00(2018) ASTM F67-24 Standard Specification for Unalloyed Titanium, for Surgical Implant Applications (UNS R50250, UNS R50400, UNS R50550, UNS R50700) Pages:7 Replace: ASTM F67-13(2017) ASTM F2641-24 Standard Consumer Safety Specification for Recreational Powered Scooters and Pocket Bikes Pages: 8 Replace: ASTM F2641-23 ASTM D7450-24 Standard Specification for Performance of Rear Axle Gear</p>	<p>Lubricants Intended for API Category GL-5 Service Pages: 5 Replace: ASTM D7450-19 ASTM C535-16(2024) Standard Test Method for Resistance to Degradation of Large-Size Coarse Aggregate by Abrasion and Impact in the Los Angeles Machine Pages: 3 Replace: ASTM C535-16 ASTM F2873-24 Standard Practice for the Installation of Self-Leveling Underlayment and the Preparation of Surface to Receive Resilient Flooring Pages: 5 Replace: ASTM F2873-20 ASTM D3244-24 Standard Practice for Utilization of Test Data to Determine Conformance with Specifications Pages: 12 Replace: ASTM D3244-21a ASTM F1887-14(2024) Standard Test Method for Measuring the Coefficient of Restitution (COR) of Baseballs and Softballs Pages: 4 Replace: ASTM F1887-14(2019)e1 ASTM F1089-24 Standard Test Method for Corrosion of Surgical Instruments Pages: 4 Replace: ASTM F1089-18 ASTM E3141/E3141M-24 Standard Test Method for Ballistic Resistant Shields for Law Enforcement</p>
---	--	--

Pages: 11
 Replace:
 ASTM E3141/E3141M-23
ASTM E1980-24
 Standard Practice for
 Calculating Solar Reflectance
 Index of Horizontal and Low-
 Sloped Opaque Surfaces
 Pages: 3
 Replace:
 ASTM E1980-11(2019)
ASTM E2264-24
 Standard Practice for
 Determining the Effects of
 Temperature Cycling on
 Fenestration Products
 Pages: 7
 Replace: ASTM E2264-23

TIÊU CHUẨN DIN

DIN EN 455-1
 Medical gloves for single use -
 Part 1: Requirements and
 testing for freedom of holes;
 German version EN 455-
 1:2020+A2:2024
DIN EN 603-2
 Aluminium and aluminium
 alloys - Wrought forging stock -
 Part 2: Mechanical properties;
 German version EN 603-2:2024
DIN EN 1999-1-1
 Eurocode 9 - Design of
 aluminium structures - Part 1-1:
 General rules; German version
 EN 1999-1-1:2023
DIN EN 1999-1-3
 Eurocode 9 - Design of
 aluminium structures - Part 1-3:
 Structures susceptible to
 fatigue; German version EN
 1999-1-3:2023
DIN EN 1999-1-4

Eurocode 9 - Design of
 aluminium structures - Part 1-4:
 Cold-formed structural
 sheeting; German version EN
 1999-1-4:2023
DIN EN 1999-1-5
 Eurocode 9 - Design of
 aluminium structures - Part 1-5:
 Shell structures; German
 version EN 1999-1-5:2023
DIN EN 2591-100
 Aerospace series - Elements of
 electrical and optical connection
 - Test methods - Part 100:
 General; German and English
 version EN 2591-100:2024
DIN EN 3155-002
 Aerospace series - Electrical
 contacts used in elements of
 connection - Part 002: List and
 utilization of contacts; German
 and English version EN 3155-
 002:2024
DIN EN 3155-015/A1
 Aerospace series - Electrical
 contacts used in elements of
 connection - Part 015: Contacts,
 electrical, female, type A, crimp,
 class S - Product standard;
 German and English version EN
 3155-015:2019/A1:2024
DIN EN 3361
 Aerospace series - Steel
 X5CrNiCu15-5 (1.4545) -
 Consumable electrode remelted
 - Solution treated and
 precipitation treated - Sheets
 and strips - $a \leq 6$ mm - 1 070
 MPa $\leq R_m \leq 1$ 220 MPa; German
 and English version EN
 3361:2024
DIN EN 3841-100
 Aerospace series - Circuit
 breakers - Test methods - Part
 100: General; German and

English version EN 3841-
 100:2024
DIN EN 4500-006
 Aerospace series - Metallic
 materials - Rules for drafting
 and presentation of material
 standards - Part 006: Specific
 rules for filler metals for
 brazing; German and English
 version EN 4500-006:2024
DIN EN 4890
 Aerospace series - Steel
 X4CrNiMo16-5-1 - Air melted -
 Hardened and tempered -
 Sheets and plates - $0,3$ mm $\leq a \leq$
 50 mm - 900 MPa $\leq R_m \leq 1$ 050
 MPa; German and English
 version EN 4890:2022 +
 A1:2024
DIN EN 9104-1
 Aerospace series - Quality
 management systems - Part 1:
 Requirements for Certification
 of aviation, space, and defense;
 German and English version EN
 9104-1:2023
DIN EN 12159
 Builders hoists for persons and
 materials with vertically guided
 cages; German version EN
 12159:2024
DIN EN 13445-5
 Unfired pressure vessels - Part
 5: Inspection and testing;
 German version EN 13445-
 5:2021+A1:2024
DIN EN 14105
 Fat and oil derivatives - Fatty
 Acid Methyl Esters (FAME) -
 Determination of free and total
 glycerol and mono-, di-,
 triglyceride contents; German
 version EN 14105:2024
DIN EN 15624

Railway applications - Braking - Empty-loaded changeover devices; German version EN 15624:2021+A1:2024 DIN EN 16156	environmental DNA from water; German version EN 17805:2023 DIN EN 17887-1	equipment; German version EN 17942:2024 DIN EN 17955
Cigarettes - Assessment of the ignition propensity - Safety requirement; German version EN 16156:2024 DIN EN 17388-1	Thermal performance of buildings - In situ testing of completed buildings - Part 1: Data collection for aggregate heat loss test; German version EN 17887-1:2024 DIN EN 17887-2	Industrial valves - Functional safety of safety-related automated valves; German version EN 17955:2024 DIN EN ISO 642
Flexible sheets for waterproofing - Environmental product declarations - Product category rules for reinforced bitumen, plastic and rubber flexible sheets for roof waterproofing - Part 1: Cradle to grave and module D; German version EN 17388-1:2024 DIN EN 17388-2	Thermal performance of buildings - In situ testing of completed buildings - Part 2: Steady-state data analysis for aggregate heat loss test; German version EN 17887-2:2024 DIN EN 17888-1	Steel - Hardenability test by end quenching (Jominy test) (ISO 642:2024); German version EN ISO 642:2024 DIN EN ISO 2419
Flexible sheets for waterproofing - Environmental product declarations - Product category rules for reinforced bitumen, plastic and rubber flexible sheets for roof waterproofing - Part 2: Cradle to gate with options, modules C1-C4 and module D; German version EN 17388-2:2024 DIN EN 17450-2	Thermal performance of buildings - In situ testing of building test structures - Part 1: Data collection for aggregate heat loss test; German version EN 17888-1:2024 DIN EN 17888-2	Leather - Physical and mechanical tests - Specimen and test piece conditioning (ISO 2419:2024); German version EN ISO 2419:2024 DIN EN ISO 2884-1
Fixed firefighting systems - Water mist systems - Part 2: Product characteristics and test methods for nozzles; German version EN 17450-2:2024 DIN EN 17533	Thermal performance of buildings - In situ testing of building test structures - Part 2: Steady-state data analysis for aggregate heat loss test; German version EN 17888-2:2024 DIN EN 17932	Paints and varnishes - Determination of viscosity using rotational viscometers - Part 1: Absolute viscosity measurement with cone-plate measuring geometry at high shear rates (ISO 2884-1:2024); German version EN ISO 2884-1:2024 DIN EN ISO 5361
Gaseous hydrogen - Cylinders and tubes for stationary storage; German version EN 17533:2020 DIN EN 17805	Natural gas vehicles - Requirements for liquefied natural gas vehicle (LNGV) workshops and the management of liquefied natural gas (LNG) vehicles; German version EN 17932:2024 DIN EN 17942	Anaesthetic and respiratory equipment - Tracheal tubes and connectors (ISO 5361:2023, Corrected version 2023-11); German version EN ISO 5361:2023 DIN EN ISO 6872
Water quality - Sampling, capture and preservation of	Welding and allied processes - Gas welding equipment - Safety requirements for thermoprocess equipment with open firing oxy-fuel gas welding	Dentistry - Ceramic materials (ISO 6872:2024); German version EN ISO 6872:2024 DIN EN ISO 7199
		Cardiovascular implants and artificial organs - Blood-gas exchangers (oxygenators) (ISO 7199:2024); German version EN ISO 7199:2024

DIN EN ISO 7211-2

Textiles - Methods for analysis of woven fabrics construction - Part 2: Determination of number of threads per unit length (ISO 7211-2:2024); German version EN ISO 7211-2:2024

DIN EN ISO 7218

Microbiology of the food chain - General requirements and guidance for microbiological examinations (ISO 7218:2024); German version EN ISO 7218:2024

DIN EN ISO 7817-1

Building Information Modelling - Level of Information Need - Part 1: Concepts and principles (ISO 7817-1:2024); German version EN ISO 7817-1:2024

DIN EN ISO 9001/A1

Quality management systems - Requirements - Amendment 1: Climate action changes (ISO 9001:2015/Amd 1:2024); German version EN ISO 9001:2015/A1:2024

DIN EN ISO 9073-18

Nonwovens - Test methods - Part 18: Determination of tensile strength and elongation at break using the grab tensile test (ISO 9073-18:2023, Corrected version 2024-05); German version EN ISO 9073-18:2023

DIN EN ISO 10297

Gas cylinders - Cylinder valves - Specification and type testing (ISO 10297:2024, Corrected version 2024-05); German version EN ISO 10297:2024

DIN EN ISO 10427-1

Oil and gas industries including lower carbon energy - Equipment for well cementing - Part 1: Casing bow-spring centralizers (ISO 10427-1:2024); English version EN ISO 10427-1:2024

DIN EN ISO 10714

Steel and iron - Determination of phosphorus content - Phosphovanadomolybdate spectrophotometric method (ISO 10714:2024); German version EN ISO 10714:2024

DIN EN ISO 12643-1

Graphic technology - Safety requirements for graphic technology equipment and systems - Part 1: General requirements (ISO 12643-1:2023); German version EN ISO 12643-1:2023

DIN EN ISO 12643-2

Graphic technology - Safety requirements for graphic technology equipment and systems - Part 2: Prepress and press equipment and systems (ISO 12643-2:2023); German version EN ISO 12643-2:2023

DIN EN ISO 12643-3

Graphic technology - Safety requirements for graphic technology equipment and systems - Part 3: Binding and finishing equipment and systems (ISO 12643-3:2023); German version EN ISO 12643-3:2023

DIN EN ISO 12643-4

Graphic technology - Safety requirements for graphic technology equipment and systems - Part 4: Converting equipment and systems (ISO

12643-4:2023); German version EN ISO 12643-4:2023

DIN EN ISO 12643-5

Graphic technology - Safety requirements for graphic technology equipment and systems - Part 5: Manually-fed stand-alone platen presses (ISO 12643-5:2023); German version EN ISO 12643-5:2023

DIN EN ISO 13032

Petroleum and related products - Determination of low concentration of sulfur in automotive fuels - Energy-dispersive X-ray fluorescence spectrometric method (ISO 13032:2024); German version EN ISO 13032:2024

DIN EN ISO 13160

Water quality - Strontium 90 and strontium 89 - Test methods using liquid scintillation counting or proportional counting (ISO 13160:2021); German version EN ISO 13160:2021

DIN EN ISO 13163

Water quality - Lead-210 - Test method using liquid scintillation counting (ISO 13163:2021); German version EN ISO 13163:2022

DIN EN ISO 13431

Geotextiles and geotextile-related products - Determination of tensile creep and creep rupture behaviour (ISO 13431:2024); German version EN ISO 13431:2024

DIN EN ISO 14001/A1

Environmental management systems - Requirements with guidance for use - Amendment 1: Climate action changes (ISO

14001:2015/Amd 1:2024); German version EN ISO 14001:2015/A1:2024 DIN EN ISO 15378/A1 Primary packaging materials for medicinal products - Particular requirements for the application of ISO 9001:2015, with reference to good manufacturing practice (GMP) - Amendment 1: Climate action changes (ISO 15378:2017/Amd 1:2024); German version EN ISO 15378:2017/A1:2024 DIN EN ISO 15614-5 Specification and qualification of welding procedures for metallic materials - Welding procedure test - Part 5: Arc welding of titanium, zirconium and their alloys (ISO 15614-5:2024); German version EN ISO 15614-5:2024 DIN EN ISO 17895 Paints and varnishes - Determination of volatile organic compound (VOC) - Gas-chromatographic method with headspace injection for VOC determination (ISO 17895:2024); German version EN ISO 17895:2024 DIN EN ISO 18081 Non-destructive testing - Acoustic emission testing (AT) - Leak detection by means of acoustic emission (ISO 18081:2024); German version EN ISO 18081:2024 DIN EN ISO 18119 Gas cylinders - Seamless steel and seamless aluminium-alloy gas cylinders and tubes - Periodic inspection and testing (ISO 18119:2018 + Amd 1:2021	+ Amd 2:2024); German version EN ISO 18119:2018 + A1:2021 + A2:2024 DIN EN ISO 18276 Welding consumables - Tubular cored electrodes for gas-shielded and non-gas-shielded metal arc welding of high strength steels - Classification (ISO 18276:2024); German version EN ISO 18276:2024 DIN EN ISO 19337 Nanotechnologies - Characteristics of working suspensions of nano-objects for in vitro assays to evaluate inherent nano-object toxicity (ISO 19337:2023); German version EN ISO 19337:2024 DIN EN ISO 19403-2 Paints and varnishes - Wettability - Part 2: Determination of the surface free energy of solid surfaces by measuring the contact angle (ISO 19403-2:2024); German version EN ISO 19403-2:2024 DIN EN ISO 19443/A1 Quality management systems - Specific requirements for the application of ISO 9001:2015 by organizations in the supply chain of the nuclear energy sector supplying products and services important to nuclear safety (ITNS) - Amendment 1: Climate action changes (ISO 19443:2018/Amd 1:2024); German version EN ISO 19443:2022/A1:2024 DIN EN ISO 20701 Leather - Tests for colour fastness - Colour fastness to saliva (ISO 20701:2024);	German version EN ISO 20701:2024 DIN EN ISO 21068-2 Chemical analysis of raw materials and refractory products containing silicon-carbide, silicon-nitride, silicon-oxynitride and sialon - Part 2: Determination of volatile components, total carbon, free carbon, silicon carbide, total and free silicon, free and surface silica (ISO 21068-2:2024); German version EN ISO 21068-2:2024 DIN EN ISO 21068-3 Chemical analysis of raw materials and refractory products containing silicon-carbide, silicon-nitride, silicon-oxynitride and sialon - Part 3: Determination of nitrogen, oxygen and metallic and oxidic constituents (ISO 21068-3:2024); German version EN ISO 21068-3:2024 DIN EN ISO 21068-4 Chemical analysis of raw materials and refractory products containing silicon-carbide, silicon-nitride, silicon-oxynitride and sialon - Part 4: XRD methods (ISO 21068-4:2024); German version EN ISO 21068-4:2024 DIN EN ISO 21420 Protective gloves - General requirements and test methods (ISO 21420:2020 + Amd 1:2022); German version EN ISO 21420:2020 + A1:2024 DIN EN ISO 21898 Packaging - Flexible intermediate bulk containers (FIBCs) for non-dangerous
--	---	--

goods (ISO 21898:2024); German version EN ISO 21898:2024 DIN EN ISO 21971 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Mechanical properties of ceramic composites at ambient temperature in air atmospheric pressure - Determination of hoop tensile properties of tubes (ISO 21971:2019); English version EN ISO 21971:2024 DIN EN ISO 22435 Gas cylinders - Cylinder valves with integrated pressure regulators - Specification and type testing (ISO 22435:2024); German version EN ISO 22435:2024 DIN EN ISO 22459 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Reinforcement of ceramic composites - Determination of distribution of tensile strength and tensile strain to failure of filaments within a multifilament tow at ambient temperature (ISO 22459:2024); German version EN ISO 22459:2024 DIN EN ISO 23611-5 Soil quality - Sampling of soil invertebrates - Part 5: Sampling and extraction of soil macro- invertebrates (ISO 23611- 5:2024); German version EN ISO 23611-5:2024 DIN EN ISO 24807 Recreational diving services - Requirements for rebreather diver training - Decompression diving to 100 m (ISO	24807:2023); German version EN ISO 24807:2024 DIN EN ISO/IEC 27001/A1 Information security, cybersecurity and privacy protection - Information security management systems - Requirements - Amendment 1: Climate action changes (ISO/IEC 27001:2022/Amd 1:2024); German version EN ISO/IEC 27001:2023/A1:2024 DIN EN ISO 29001/A1 Petroleum, petrochemical and natural gas industries - Sector- specific quality management systems - Requirements for product and service supply organizations - Amendment 1: Climate action changes (ISO 29001:2020/Amd 1:2024); English version EN ISO 29001:2020/A1:2024 DIN EN ISO 34101-1/A1 Sustainable and traceable cocoa - Part 1: Requirements for cocoa sustainability management systems - Amendment 1: Climate action changes (ISO 34101-1:2019/Amd 1:2024); German version EN ISO 34101- 1:2020/A1:2024 DIN EN ISO 37101/A1 Sustainable development in communities - Management system for sustainable development - Requirements with guidance for use - Amendment 1: Climate action changes (ISO 37101:2016/Amd 1:2024); German version EN ISO 37101:2022/A1:2024 DIN EN ISO 41001/A1 Facility management - Management systems -	Requirements with guidance for use - Amendment 1: Climate action changes (ISO 41001:2018/Amd.1:2024); German version EN ISO 41001:2018/A1:2024 DIN EN ISO 52127-1 Energy performance of buildings - Building management system - Part 1: Module M10-12 (ISO 52127- 1:2021); German version EN ISO 52127-1:2021 DIN ISO 9022-23 Optics and photonics - Environmental test methods - Part 23: Low pressure combined with cold, ambient temperature and dry or damp heat (ISO 9022-23:2023) DIN ISO 9462 Alpine ski-bindings - Requirements and test methods (ISO 9462:2023) DIN ISO 10844 Acoustics - Specification of test tracks for measuring sound emitted by road vehicles and their tyres (ISO 10844:2021) DIN ISO 16000-40/A1 Indoor air - Part 40: Indoor air quality management system - Amendment 1: Climate action changes (ISO 16000- 40:2019/Amd.1:2024) VDI 2143 Blatt 1 Motion rules for cam mechanisms and motion control systems - Theoretical fundamentals VDI 3786 Blatt 24 Environmental meteorology - Meteorological measurements - Crowdsourcing
---	--	--

Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)

UL 48 Edition 15, 2024

Standard for Electric Signs

UL 96 Edition 6, 2024

Lightning Protection

Components

UL 98B Edition 4, 2024

Outline of Investigation for

Enclosed and Dead-front

Switches for use in Photovoltaic

Systems

UL 110 Edition 3, 2024

Sustainability for Mobile Phones

UL 141 Edition 9, 2024

Standard for Garment Finishing

Appliances

UL 162 Edition 8, 2024

Standard for Foam Equipment

and Liquid Concentrates

UL 217 Edition 10, 2024

Standard for Smoke Alarms

UL 252 Edition 11, 2024

Compressed Gas Regulators

UL 252A Edition 4, 2024

Standard for Compressed Gas

Regulator Accessories

UL 299 Edition 12, 2024

Standard for Dry Chemical Fire

Extinguishers

UL 405 Edition 6, 2024

Standard for Fire Department

Connection Devices

UL 448 Edition 12, 2024

Standard for Centrifugal

Stationary Pumps for Fire-

Protection Service

UL 486F Edition 3, 2024

Standard for Bare and Covered

Ferrules

UL 489I Edition 1, 2024

Outline of Investigation for Solid

State Molded-Case Circuit

Breakers

UL 497A Edition 3, 2024

Standard for Secondary

Protectors for Communications

Circuits

UL 499 Edition 14, 2024

Standard for Electric Heating

Appliances

UL 521 Edition 8, 2024

Heat Detectors for Fire

Protective Signaling Systems

UL 536 Edition 11, 2024

Flexible Metallic Hose

UL 588 Edition 19, 2024

Standard for Seasonal and

Holiday Decorative Products

UL 751 Edition 9, 2024

Standard for Vending Machines

UL 817 Edition 12, 2024

Standard for Cord Sets and

Power-Supply Cords

UL 845 Edition 6, 2024

Motor Control Centers

UL 858 Edition 16, 2024

Standard for Household Electric

Ranges

UL 921 Edition 8, 2024

Standard for Commercial

Dishwashers

UL 924 Edition 10, 2024

Standard for Emergency

Lighting and Power Equipment

UL 962 Edition 5, 2024

Household and Commercial

Furnishings

UL 1059 Edition 6, 2024

Standard for Terminal Blocks

UL 1395 Edition 1, 2024

Transients Test Method

UL 1453 Edition 6, 2024

Standard for Electric Booster

and Commercial Storage Tank

Water Heaters

UL 1487 Edition 1, 2024

Battery Containment Enclosures

UL 1563 Edition 6, 2024

Standard for Electric Spas,

Equipment Assemblies, and

Associated Equipment

UL 1574 Edition 3, 2024

Standard for Track Lighting

Systems

UL 1576 Edition 2, 2024

Standard for Flashlights and

Lanterns

UL 1641 Edition 5, 2024

Standard for Installation and

Classification of Residential

Burglar Alarm Systems

UL 1726 Edition 4, 2024

Automatic Drain Valves for

Standpipe Systems

UL 1769 Edition 5, 2024

Standard for Cylinder Valves

UL 1784 Edition 4, 2024

Standard for Air Leakage Tests

of Door Assemblies and Other

Opening Protectives

UL 2056 Edition 1, 2024

Power Banks

UL 2061 Edition 3, 2024

Standard for Adapters and

Cylinder Connection Devices for

Portable LP-Gas Cylinder

Assemblies

UL 2227 Edition 3, 2024

Standard for Overfilling

Prevention Devices

UL 2238 Edition 3, 2024

Standard for Cable Assemblies

and Fittings for Industrial

Control and Signal Distribution

UL 2263A Edition 1, 2024

Outline of Investigation for

Electric Vehicle Cable for Use in

High Power, DC Systems

UL 2277 Edition 6, 2024

Outline of Investigation for Flexible Motor Supply Cable and Wind Turbine Tray Cable UL 2278 Edition 1, 2024	Runaway Fire Propagation in Battery Energy Storage Systems UL 9990 Edition 2, 2024	Particular Requirements for Equipment Having Testing or Measuring Circuits UL 61058- 1-1 Edition 1, 2024
Outline of Investigation for Megawatt Charging Configured Electric Vehicle Couplers UL 2333 Edition 3, 2024	Information and Communication Technology (ICT) Power Cables UL 9990 Edition 2, 2024	Switches for Appliances - Part 1-1: Requirements for Mechanical Switches UL 62841- 2-6 Edition 1, 2024
Standard for Infrared Thermometers UL 2438 Edition 3, 2024	Information and Communication Technology (ICT) Power Cables ANSI/CAN/UL Standard for Immersion Suits - Part 3: Test Methods UL 60079- 10-1 Edition 1, 2024	Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools and Lawn and Garden Machinery - Safety - Part 2-6 Particular Requirements for Hand-Held Hammers UL 62841- 2-7 Edition 1, 2024
Standard for Outdoor Seasonal-Use Cord-Connected Wiring Devices UL 2583 Edition 1, 2024	Standard for Explosive Atmospheres - Part 10-1: Classification of Areas - Explosive Gas Atmospheres UL 60079- 25 Edition 2, 2024	Standard for Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-7: Particular requirements for hand-held spray guns UL 62841- 2-19 Edition 1, 2024
ANSI/CAN/UL/ULC Standard for Safety for Fuel Tank Accessories for Flammable and Combustible Liquids UL 2900- 2-1 Edition 1, 2024	Standard for Explosive Atmospheres – Part 25: Intrinsically Safe Electrical Systems UL 60730- 2-6 Edition 3, 2024	Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-19 Particular Requirements for Hand-Held Jointers UL 62841- 3-1000 Edition 1, 2024
Software Cybersecurity for Network-Connectable Products, Part 2-1: Particular Requirements for Network Connectable Components of Healthcare and Wellness Systems UL 2941 Edition 1, 2024	Standard for Automatic Electrical Controls for Household and Similar Use; Part 2: Particular Requirements for Automatic Electrical Pressure Sensing Controls Including Mechanical Requirements UL 61010- 2-011 Edition 2, 2024	Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 3-1000: Particular Requirements For Transportable Laser Engravers UL 62841- 4-5 Edition 1, 2024
Outline of Investigation for Cybersecurity of Distributed Energy and Inverter-Based Resources UL 3141 Edition 1, 2024	Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-011: Particular Requirements for Refrigerating Equipment UL 61010- 2-030 Edition 2, 2024	Standard for Electric Hand-Held Motor-Operated, Transportable and Garden Tools - Safety - Part
Power Control Systems UL 3601 Edition 1, 2024	Safety requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-030:	
Standard for Measuring and Reporting Circularity of Li-ion and Other Secondary Batteries UL 8800 Edition 1, 2024		
Horticultural Lighting Equipment And Systems UL 9540A Edition 4, 2024		
ANSI/CAN/UL Standard for Test Method for Evaluating Thermal		

4-5 Particular Requirements for scissors Type Grass Shears UL 92004 Edition 2, 2024	Standard for Dry Chemical Fire Extinguishers ULC 524 Edition 8, 2024	ULC 712.2 Edition 2, 2024 Standard for thermal insulation – light density, open cell spray applied semi – rigid polyurethane foam - Installation
Standard for Performance Requirements for Open Path Toxic Gas Detectors ULC 127 Edition 6, 2024	Standard for Installation of Fire Alarm Systems ULC 530 Edition 2, 2024	ULC 774 Edition 3, 2024 Standard test method for the determination of volatile organic compound emissions from polyurethane foan
Standard Corner Wall Method of Test for Flammability Characteristics of Non-Melting Foam Plastic Building Materials ULC 139 Edition 3, 2024	Standard for Heat Detectors for Fire Protective Signaling Systems ULC 531 Edition 5, 2024	ULC 1395 Edition 1, 2024 Transients Test Method
Standard for Fire Test for Circuit Integrity of Fire-Resistive Power, Instrumentation, Control, and Data Cables ULC 504 Edition 4, 2024	Standard for Smoke Alarms ULC 564 Edition 2, 2024	ULC 9990 Edition 2, 2024 Information and Communication Technology (ICT) Power Cables
	Standard for Categories 1 and 2 Foam Liquid Concentrates ULC 703 Edition 2, 2024	
	Standard for Cellulose Fibre Insulation (CFI) for Buildings ULC 706.1 Edition 4, 2024	
	Standard for Wood Fibre Insulating Boards for Buildings	

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn



TRUNG TÂM THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG TCĐLCL

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

Số điện thoại: 024-37562608 / 37564268 **Fax:** 024-38361556

Email: ismq@tcvn.gov.vn **website:** <http://ismq.vn/>